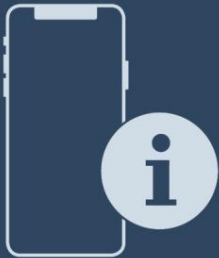


Hướng dẫn sử dụng

Chất lượng, Thiết kế và Đổi mới



home.liebherr.com/fridge-manuals



LIEBHERR

Mục lục





Tổng quan về thiết bị.....	3
1.1.1 Phạm vi giao hàng.....	3
1.2 Tổng quan về thiết bị và dụng cụ.....	3
1.3 Thiết bị thông minh.....	3
1.4 Phạm vi ứng dụng của thiết bị.....	4
1.5 Sự phù hợp.....	4
1.6 Các chất SVHC theo quy định REACH.....	4
1.7 Cơ sở dữ liệu EPREL.....	4
1.8 Linh kiện thay thế.....	4
2 Hướng dẫn an toàn chung.....	5
3 Hoạt động của Màn hình cảm ứng.....	6
3.1 Điều hướng và giải thích các ký hiệu.....	6
3.2 Thực đơn.....	7
3.3 Chế độ ngủ.....	7
4 Bắt đầu.....	7
4.1 Bật thiết bị (vận hành ban đầu).....	7
5 Tài liệu tham khảo.....	8
5.1 Hướng dẫn bảo quản.....	8
5.2 Phần làm mát.....	8
5.3 EasyFresh.....	8
5.4 Thời gian lưu trữ.....	8
6 Tiết kiệm năng lượng.....	8
7 Bộ.....	9
7.1 Các thành phần điều khiển và hiển thị.....	9
7.1.1 Hiển thị trạng thái.....	9
7.1.2 Biểu tượng.....	9
7.2 Tính năng của thiết bị.....	9
7.2.1 Ghi chú về chức năng của thiết bị.....	9
Bật và tắt thiết bị.....	9
WLAN.....	9
Nhiệt độ.....	10
Đơn vị nhiệt độ.....	11
Siêu Mát.....	11
Làm mát mạnh mẽ.....	11
Chế độ tiệc tùng *.....	12
Chế độ nghỉ lễ.....	12
Chế độ ngày Sa-bát.....	13
E-Saver.....	13
Chế độ vệ sinh.....	14
Độ sáng màn hình.....	14
Bảo động thần kinh.....	14
Bộ chặn đầu vào.....	15
Thông tin thiết bị.....	15



Phần mềm.....	15
Bộ nhớ.....	16
Chế độ demo.....	16
Khôi phục cài đặt gốc.....	17
7.3 Tin nhắn.....	17
7.3.1 Tổng quan về cảnh báo.....	17
7.3.2 Cảnh báo kết thúc.....	17
7.3.3 Tổng quan về ký ức.....	18
7.3.4 Ký ức kết thúc.....	18
8 Thiết bị.....	18
8.1 Bộ điều chỉnh cửa.....	18
8.2 Bệ mang.....	18
8.3 Nền tảng hỗ trợ có thể chia nhỏ*.....	19
8.4 VarioSafe *.....	19
8.5 Laden.....	22
8.6 Nắp EasyFresh-Safe.....	23
8.7 Kiểm soát độ ẩm.....	23
8.8 Kệ kéo ra có giỏ đựng chai lọ*.....	23
8.9 Giá đựng bình.....	24
Bảo trì.....	24
9 Bộ lọc than hoạt tính FreshAir.....	24
9.3.1 Tháo rời/lắp ráp hệ thống trượt ra.....	25
9.3 Rã đông thiết bị.....	25
9.4 Vệ sinh thiết bị.....	25
10 Hỗ trợ khách hàng.....	26
10.1 Dữ liệu kỹ thuật.....	26
10.2 Tiếng ồn khi vận hành.....	26
10.3 Lưu trữ kỹ thuật.....	27
10.4 Dịch vụ khách hàng.....	28
10.5 Biển tên.....	28
11 Tháo dỡ.....	28
12 Xử lý chất thải.....	28
12.1 Chuẩn bị thiết bị để thải bỏ.....	28
12.2 Xử lý thiết bị theo cách thân thiện với môi trường.....	28

Nhà sản xuất liên tục làm việc để phát triển hơn nữa của tất cả các loại và mẫu mã. Vì vậy, chúng tôi mong nhận được sự thông cảm của bạn, rằng chúng tôi có quyền thay đổi hình thức, để áp dụng đồ nội thất và công nghệ.

Giải thích biểu tượng	
	<p>Đọc hướng dẫn sử dụng</p> <p>Để tận hưởng tất cả các lợi ích của thiết bị mới của bạn để tìm hiểu về bạn, bạn phải làm theo hướng dẫn trong này đọc kỹ hướng dẫn.</p>
	<p>Thông tin bổ sung trên internet</p> <p>Số tay kỹ thuật số có thông tin bổ sung matie và các ngôn ngữ khác bạn có thể tìm thấy tại internet thông qua mã QR ở mặt trước của hướng dẫn sử dụng hoặc bằng cách nhập số dịch vụ nhập vào home.liebherr.com/fridge-manuals.</p> <p>Số hiệu dịch vụ có thể được tìm thấy trên biển số xe:</p> <p>Hình. Ví dụ</p>

Giải thích biểu tượng	
	Kiểm tra thiết bị Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển không. Nếu bạn có bất kỳ ý kiến hoặc thắc mắc nào, vui lòng liên hệ với nhà phân phối hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng.
	Độ lệch Hướng dẫn vận hành áp dụng cho các kiểu máy khác nhau, có thể có độ lệch. Các phần chỉ áp dụng cho một số thiết bị nhất định được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*).
	Hướng dẫn hành động và kết quả của hành động Hướng dẫn hành động được chỉ ra bởi một  . Kết quả của hành động được biểu thị bằng dấu  .
	Video của Bạn có thể tìm thấy video về các thiết bị này trên kênh YouTube Liebherr-Hausgeräte.

Giấy phép nguồn mở: Thiết

bị chứa các thành phần phần mềm sử dụng giấy phép nguồn mở. Thông tin về các giấy phép Nguồn mở được sử dụng có thể được tìm thấy tại đây: home.liebherr.com/open-source-licences

Hướng dẫn này áp dụng cho:

R / RD ...	42.. / 46.. / 50.. / 52..
K..	46.. / 52..
Chỉ tích ...	52..

1 Tổng quan về thiết bị

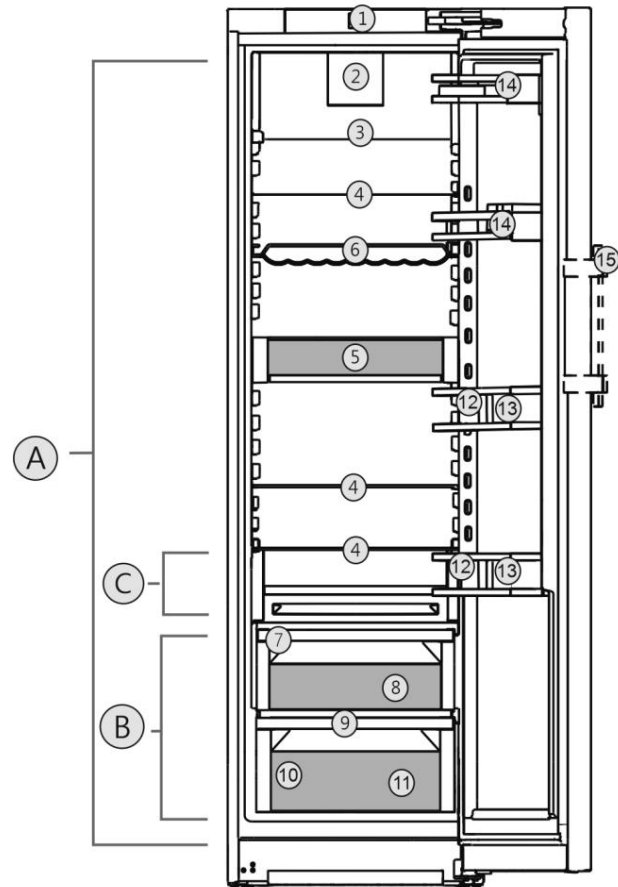
1.1 Phạm vi giao hàng

Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển không. Nếu bạn có bất kỳ khiếu nại nào, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Việc giao hàng bao gồm các phần sau:

- Thiết bị thẳng đứng
- Trang thiết bị (tùy theo từng model)
- Vật liệu lắp đặt (tùy theo mẫu)
- „Hướng dẫn bắt đầu nhanh“
- „Hướng dẫn cài đặt“
- Tờ rơi dịch vụ

1.2 Tổng quan về thiết bị và trang thiết bị



Hình 1 Màn hình mẫu Phạm vi

nhiệt độ (B) EasyFresh

- (A) Phần làm mát
(C) Vùng lạnh nhất

Thiết bị

- | | |
|---|-----------------------|
| (1) Kiểm soát | (9) Cửa thoát nước |
| (2) Quạt có Fres-
Bộ lọc than hoạt tính hAir | (10) Biển tên |
| (3) Nền tảng hỗ trợ có thể chia
nhỏ* | (11) Ngăn đựng rau* |
| (4) Bộ mang | (12) Giá để chai* |
| (5) VarioSafe* | (13) Giá đựng chai |
| (6) Kệ đựng chai* | (14) Người bảo thủ |
| (7) Nắp EasyFresh-Safe | (15) Tay cầm cần gạt* |
| (8) EasyFresh-An toàn | |

Lưu ý: Các

kệ, ngăn kéo hoặc giỏ được bố trí để đạt hiệu quả năng lượng tối ưu trong điều kiện giao hàng.

Thay đổi bố cục trong các tùy chọn trượt đã cho, ví dụ: Tuy nhiên, các kệ trong ngăn làm mát không ảnh hưởng đến mức tiêu thụ năng lượng.

1.3 Thiết bị thông minh

SmartDevice là giải pháp mạng cho thiết bị làm mát của bạn.

Nếu thiết bị của bạn tương thích với SmartDevice hoặc đã sẵn sàng sử dụng, bạn có thể tích hợp thiết bị của mình vào WLAN một cách nhanh chóng và dễ dàng. Ứng dụng SmartDevice cho phép bạn điều khiển thiết bị của mình từ thiết bị di động. Các chức năng bổ sung và tùy chọn cài đặt có sẵn trong ứng dụng SmartDevice.

Thiết bị nhìn thoáng qua

ở phía trước Thiết bị của bạn đã sẵn sàng để sử dụng với Thiết bị được SmartDevice SmartDeviceBox. Trước tiên, bạn cần mua chuẩn bị: SmartDeviceBox rồi cài đặt. Để kết nối thiết bị của bạn với WLAN, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.



Thông tin thêm về SmartDevice:

smartdevice.liebherr.com

SmartDeviceBox trong Liebherr-

home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html

Cửa hàng đồ gia dụng mua:

Tải xuống ứng dụng SmartDevice:



Sau khi cài đặt và cấu hình ứng dụng SmartDevice, bạn có thể tích hợp thiết bị của mình vào WLAN bằng ứng dụng SmartDevice và chức năng thiết bị WLAN (xem WLAN).

Lưu ý Chức

năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.

1.4 Phạm vi ứng dụng của thiết bị Mục đích sử dụng Thiết bị

chỉ phù hợp để làm mát thực phẩm phục vụ mục đích gia dụng hoặc mục đích tương tự. Ví dụ, điều này bao gồm: việc sử dụng - trong bếp riêng, cơ sở ăn sáng, - bởi khách ở nhà nghỉ, khách sạn, nhà nghỉ và các nơi lưu trú khác, - trong dịch vụ ăn uống và các dịch vụ tương tự trong thương mại bán buôn.

Thiết bị này không thích hợp để đông lạnh thực phẩm.

Thiết bị này không được thiết kế để sử dụng như một thiết bị âm tường.

Mọi mục đích sử dụng khác đều không được phép.

Sử dụng sai mục đích có thể lường trước

Các ứng dụng sau đây bị nghiêm cấm: - Lưu trữ và làm mát thuốc, huyết

tương, chế phẩm xét nghiệm hoặc các thiết bị y tế tương tự theo Chỉ thị Châu Âu 2007/47/EC

Các bộ phận, chất cơ bản và sản phẩm - Sử dụng trong môi trường có khả

năng nổ Việc sử dụng thiết bị không đúng cách có thể dẫn đến hư hỏng hàng hóa được lưu trữ hoặc làm hỏng chúng.

Phân loại khí hậu

Tùy thuộc vào phân loại khí hậu, thiết bị có thể được sử dụng ở nhiệt độ môi trường hạn chế. Loại khí hậu áp dụng cho thiết bị của bạn được ghi trên nhãn sản phẩm.

Lưu ý Để đảm

bảo hoạt động không gặp sự cố, nhiệt độ môi trường xung quanh phải được duy trì ở mức quy định.

Lớp khí hậu cho nhiệt độ môi trường xung quanh	
SN	10 °C đến 32 °C
N	16 °C đến 32 °C
ST	16 °C đến 38 °C
T	16 °C đến 43 °C
SN-ST	10 °C đến 38 °C
SN-T	10 °C đến 43 °C

1.5 Sự phù hợp

Mạch làm mát đã được kiểm tra xem có rò rỉ không. Thiết bị này tuân thủ các quy định về an toàn hiện hành và các chỉ thị có liên quan.

Toàn văn tuyên bố về sự phù hợp của EU có sẵn tại địa chỉ internet sau: www.liebherr.com

1.6 Các chất SVHC theo Quy định REACH

Bạn có thể kiểm tra xem thiết bị của mình có kiểm tra chứa chất SVHC theo quy định REACH hay không theo liên kết sau: home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nachhaltigkeit/umwelt/scip/scip.html

1.7 Cơ sở dữ liệu EPREL

Từ ngày 1 tháng 3 năm 2021, thông tin về nhãn tiêu thụ năng lượng và yêu cầu thiết kế sinh thái có thể được tìm thấy trong Cơ sở dữ liệu sản phẩm châu Âu (EPREL). Bạn có thể truy cập cơ sở dữ liệu sản phẩm thông qua liên kết <https://eprel.ec.europa.eu/>. Tại đây bạn sẽ được yêu cầu nhập mã nhận dạng mô hình. Có thể tìm thấy mã số model trên bảng tên.

1.8 Phụ tùng thay thế

Thời hạn cung cấp phụ tùng thay thế cho các bộ phận chức năng và các bộ phận phụ trợ của thiết bị là 15 năm.

2 Hướng dẫn an toàn chung

Vui lòng cất giữ hướng dẫn này ở nơi an toàn để bạn có thể tham khảo bất cứ lúc nào.

Nếu bạn chuyển giao thiết bị, vui lòng chuyển luôn hướng dẫn sử dụng cho chủ sở hữu tiếp theo.

Để sử dụng thiết bị đúng cách và an toàn, vui lòng đọc kỹ hướng dẫn này trước khi sử dụng. Luôn tuân theo các hướng dẫn, biện pháp phòng ngừa an toàn và cảnh báo có trong đây.

Những điều này rất quan trọng để đảm bảo việc lắp đặt và sử dụng thiết bị an toàn và không gặp sự cố.

Nguy hiểm cho người sử dụng: - Trẻ

em cũng như những người có hạn chế về thể chất, giác quan hoặc tinh thần hoặc những người không có đủ kinh nghiệm và/hoặc kiến thức đều có thể sử dụng thiết bị này nếu họ được giám sát hoặc được hướng dẫn sử dụng thiết bị một cách an toàn và nếu họ hiểu được những nguy hiểm liên quan.

Trẻ em không được chơi đùa với thiết bị này. Trẻ em không được phép tự ý vệ sinh và bảo trì nếu không có sự giám sát. Trẻ em từ 3-8 tuổi có thể tự tháo lắp thiết bị. Trẻ em dưới 3 tuổi phải tránh xa thiết bị trừ khi được giám sát liên tục.

- Ổ cắm phải dễ tiếp cận để có thể nhanh chóng ngắt kết nối thiết bị khỏi nguồn điện trong trường hợp khẩn cấp. Bộ phận này phải nằm ở phía ngoài mặt sau của thiết bị.

- Khi rút phích cắm thiết bị ra khỏi ổ cắm điện, hãy luôn rút phích cắm. Không được kéo dây.

- Trong trường hợp xảy ra lỗi, hãy rút phích cắm của thiết bị hoặc tắt thiết bị an toàn.

- Không làm hỏng dây nguồn. Không sử dụng thiết bị nếu dây nguồn bị lỗi.

- Việc sửa chữa và can thiệp vào thiết bị chỉ được thực hiện bởi bộ phận chăm sóc khách hàng hoặc nhân viên chuyên môn được đào tạo khác.

- Chỉ lắp đặt, kết nối và thải bỏ thiết bị theo đúng mô tả trong sách hướng dẫn.

Nguy cơ cháy nổ:

- Chất làm mát được sử dụng (dữ liệu trên nhãn sản phẩm) thân thiện với môi trường nhưng dễ cháy. Chất làm mát rò rỉ có thể gây cháy.

- Không làm hỏng các đường ống mạch làm mát.
- Tránh xử lý các nguồn gây cháy

bên trong thiết bị.

- Không sử dụng các thiết bị điện bên trong thiết bị (ví dụ: máy vệ sinh bằng hơi nước, máy sưởi, máy làm đá, v.v.).
- Nếu chất làm lạnh bị rò rỉ: Loại bỏ ngọn lửa hoặc nguồn gây cháy gần nơi rò rỉ. Thông gió tốt cho căn phòng.

Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng.

- Không lưu trữ các chất nổ hoặc bình xịt có chứa chất đẩy dễ cháy như butan, propan, pentan, v.v. trong thiết bị. Những bình xịt này có thể được nhận biết thông qua thành phần ghi trên bao bì hoặc biểu tượng ngọn lửa. Bất kỳ khí nào thoát ra đều có thể bắt lửa do các thành phần điện.

- Để nén, đèn và các vật dụng có ngọn lửa khác tránh xa thiết bị để tránh gây cháy thiết bị.

- Đồ uống có cồn hoặc các vật chứa chứa cồn khác chỉ được bảo quản khi đã đầy kín.

Bất kỳ chất cồn nào thoát ra đều có thể gây cháy các bộ phận điện.

Nguy cơ rơi và lật đổ: - Không sử dụng bệ

đỡ, ngăn kéo, cửa, v.v. làm chỗ để chân hoặc để dựa vào.

Điều này đặc biệt đúng với trẻ em.

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm: - Không sử dụng

thực phẩm đã bảo quản quá lâu.

Nguy cơ tê cóng, tê liệt và đau: - Tránh tiếp xúc da thường xuyên

với bề mặt lạnh hoặc các sản phẩm được làm mát/đông lạnh hoặc thực hiện các biện pháp bảo vệ, ví dụ như: sử dụng găng tay.

Nguy cơ thương tích và thiệt hại: - Hơi nước nóng có thể gây thương tích.

Không sử dụng lò sưởi điện hoặc máy làm sạch bằng hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt rửa đông để rửa đông.

- Không chạm vào đá bằng vật sắc nhọn của ai.

Màn hình cảm ứng hoạt động như thế nào

Nguy cơ kẹt: -

Không nắm vào bản lề khi mở và đóng cửa. Các ngón tay có thể bị kẹt.

Các ký hiệu trên thiết bị:



Biểu tượng có thể nằm trên máy nén. Nó liên quan đến dầu trong máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm sau: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp. Hướng dẫn này chỉ áp dụng cho quá trình tái chế. Ở chế độ bình thường không có nguy hiểm.



Biểu tượng này nằm trên máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm của các chất dễ cháy. Không gỡ bỏ nhãn dán.



Nhãn này hoặc nhãn tương tự có thể nằm ở mặt sau của thiết bị. Điều này cho biết có các tấm cách nhiệt chân không (VIP) hoặc tấm đá trên châu trong cửa và/hoặc vỏ cửa.

Hướng dẫn này chỉ áp dụng cho quá trình tái chế. Không gỡ bỏ nhãn dán.

Vui lòng tuân thủ các cảnh báo cụ thể và các hướng dẫn cụ thể khác trong các chương khác:

	SỰ NGUY HIỂM	biểu thị mối nguy hiểm tức thời, nếu không tránh được sẽ dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.
	Ở ĐÃ U- ĐỒNG HỒ	chỉ ra một tình huống nguy hiểm, nếu không tránh được có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.
	THẬN TRỌNG G	chỉ ra một tình huống nguy hiểm, nếu không tránh được, có thể gây ra thương tích nhẹ hoặc trung bình.
	Lưu ý	chỉ ra một tình huống nguy hiểm, nếu không tránh được có thể dẫn đến thiệt hại về vật chất.
	Gợi ý cho biết thông tin và mẹo hữu ích.	

3 Hoạt động của Màn hình cảm ứng

Bạn sử dụng thiết bị của mình bằng màn hình cảm ứng. Với màn hình cảm ứng (sau đây gọi là màn hình), bạn chọn các chức năng của thiết bị bằng cách chạm. Nếu bạn không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ trở về menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp về màn hình trạng thái.

3.1 Điều hướng và giải thích các ký hiệu

Hình ảnh sử dụng nhiều ký hiệu khác nhau để điều hướng trên màn hình. Các ký hiệu này được mô tả trong bảng sau.


Biểu tượng	Sự miêu tả
	Nhấn mũi tên điều hướng về phía trước: Tiến thêm một bước nữa trong menu.
	Nhấn mũi tên điều hướng quay lại: Quay lại một bước trong menu.
	Nhấn mũi tên điều hướng nhiều lần liên tiếp: Tiếp tục trong menu đến chức năng mong muốn.
	Nhấn vào biểu tượng xác nhận: Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng. Mở menu phụ.
	Nhấn đồng thời biểu tượng xác nhận và biểu tượng quay lại: Quay lại một cấp menu.
	Mũi tên có đồng hồ: Phải mất hơn 10 giây thì màn hình tiếp theo mới xuất hiện.
	Mũi tên hiển thị thời gian: Phải mất khoảng thời gian chỉ định trước khi nội dung tiếp theo xuất hiện trên màn hình.
	Biểu tượng "Menu cài đặt" mở: Điều hướng đến menu cài đặt và mở menu cài đặt. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong menu cài đặt. (xem 3.2.1 Mở menu cài đặt)
	Mở biểu tượng "Menu mở rộng": Điều hướng đến menu mở rộng và mở menu mở rộng. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong menu mở rộng. (xem 3.2.2 Mở menu mở rộng)

Biểu tượng	Mô tả	Không có hành động	Nếu bạn
	không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ trở về menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp về màn hình trạng thái.		
	Mở và đóng cửa	Nếu bạn mở cửa rồi đóng lại ngay lập tức, màn hình sẽ ngay lập tức trở về màn hình trạng thái.	

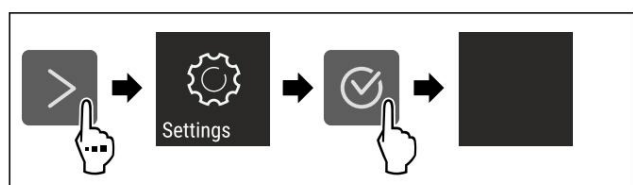
Lưu ý: Hình ảnh hiển thị được sử dụng thuật ngữ tiếng Anh.

3.2 Thực đơn

Các chức năng của thiết bị được chia thành nhiều menu.

Thực đơn	Sự miêu tả
Menu chính	Khi bạn bật thiết bị, bạn sẽ tự động thấy mình ở menu chính thực đơn. Từ đây bạn có thể điều hướng đến các chức năng chính của thiết bị, menu cài đặt và menu mở rộng.
 Settings	Menu cài đặt chứa các chức năng khác của thiết bị để thiết lập thiết bị của bạn. (xem 3.2.1 Mở menu cài đặt)
Các tổ chức-thực đơn	
Rộng rãi thực đơn	Menu mở rộng chứa các chức năng đặc biệt để thiết lập thiết bị của bạn. Quyền truy cập vào menu mở rộng được bảo mật bằng mã số 1 5 1. (xem 3.2.2 Mở menu mở rộng)

3.2.1 Mở menu cài đặt



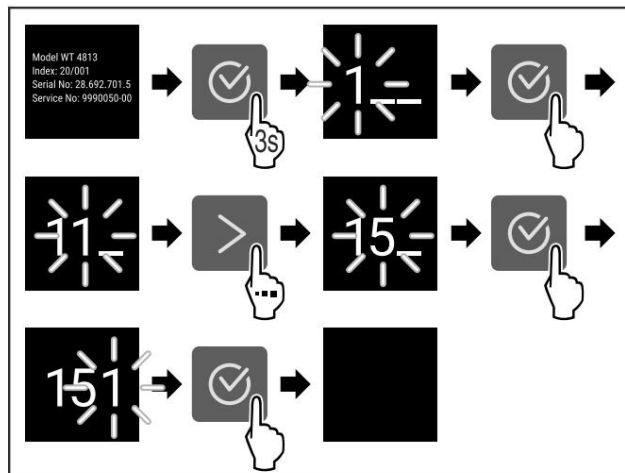
Hình 2 Ví dụ u Thực

hiện các bước theo hình ảnh. w Menu Cài đặt đang mở. u Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn.

3.2.2 Mở menu mở rộng



Hình 3



Hình 4 Ví dụ hiển thị, truy cập với mã số 151

u Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Menu nâng cao đang mở. u Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn.

3.3 Chế độ ngủ

Nếu bạn không chạm vào màn hình trong vòng 1 phút, màn hình sẽ chuyển sang chế độ ngủ. Ở chế độ ngủ, độ sáng màn hình sẽ mờ đi.

3.3.1 Kết thúc chế độ ngủ

u Nhấn bất kỳ phím điều hướng nào. w Chế độ ngủ đã kết thúc.

4 Đưa vào sử dụng

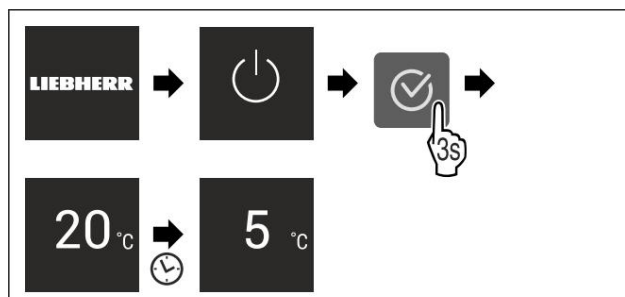
4.1 Bật thiết bị (vận hành ban đầu)

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: q Thiết bị được lắp đặt và kết nối theo đúng hướng dẫn lắp đặt. q Tất cả các dải keo dán, màng keo dán và màng bảo vệ cũng như lớp bảo vệ khi vận chuyển bên trong và trên thiết bị đã được gỡ bỏ.

q Tất cả các tờ quảng cáo đã được lấy ra khỏi ngăn kéo. q Hoạt động của màn hình cảm ứng đã được biết đến. (xem 3 Hoạt động của Màn hình cảm ứng)

Bật thiết bị thông qua màn hình cảm ứng: u Nếu màn hình đang ở chế độ ngủ: Hiển thị ngắn gọn chạm vào. u

Thực hiện các bước theo hình ảnh.



Hình 5 Ví dụ w Màn

hình trạng thái xuất hiện. w Thiết bị nguội xuống nhiệt độ mục tiêu được cài đặt tại nhà máy nhiệt độ.

Bức kiện

u Thiết bị khởi động ở chế độ demo (hiển thị trạng thái với DEMO): Nếu thiết bị khởi động ở chế độ demo, bạn có thể hủy kích hoạt chế độ demo trong vòng 5 phút tiếp theo. (xem Chế độ Demo)

Thông tin thêm:

- Đưa SmartDevice vào sử dụng. (xem 1.3 SmartDevice) và (xem WLAN)

Lưu ý Nhà sản

xuất khuyến cáo như sau: u Đặt thực phẩm vào

lò: đợi khoảng 6 giờ cho đến khi chèn

đã đạt đến nhiệt độ cài đặt.

u Tuân thủ hướng dẫn bảo quản. (xem 5.1 Hướng dẫn cho

đăng bài)

Lưu ý Phụ kiện

có sẵn tại Cửa hàng đồ gia dụng Liebherr tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

5 bài viết

5.1 Hướng dẫn bảo quản



CẢNH BÁO Nguy cơ hỏa hoạn

u Không sử dụng

các thiết bị điện trong ngăn chứa thực phẩm của thiết bị trừ khi nhà sản xuất khuyến nghị sử dụng cho mục đích này.

Lưu ý: Mức

tiêu thụ năng lượng tăng và khả năng làm mát giảm nếu thông gió không đủ. u

Luôn giữ lỗ thông gió thông thoáng.

Vui lòng tuân thủ các hướng dẫn bảo quản sau: - Giữ khoảng hở

xung quanh quạt thông thoáng.

- Đóng gói hoặc che đậy các loại thực phẩm dễ hấp thụ hoặc giải phóng mùi hoặc vị trong hộp kín.

- Bảo quản thịt sống hoặc cá sống trong hộp đựng sạch, kín. Điều này ngăn không cho thịt hoặc cá tiếp xúc với các thực phẩm khác.

- Đựng chất lỏng trong bình kín.

- Bảo quản thực phẩm ở khoảng cách xa để không khí có thể lưu thông tốt.

- Thực phẩm theo đúng hướng dẫn trên

giữ nguyên bao bì.

- Luôn tuân thủ thời hạn sử dụng tối thiểu được ghi trên bao bì.

Lưu ý: Không

tuân thủ thông tin này có thể dẫn đến hư hỏng thực phẩm.

5.2 Phần làm mát

Sự lưu thông không khí trong thiết bị cho phép thiết lập các vùng nhiệt độ khác nhau. Bạn sẽ tìm thấy các vùng nhiệt độ khác nhau trong phần tổng quan về thiết bị. (xem 1.2 Tổng quan về thiết bị và dụng cụ)

5.2.1 Phân loại thực phẩm

u Phần trên cùng và cửa: Bơ, phô mai, đồ hộp và ống lưu trữ.

u Vùng nhiệt độ lạnh nhất: Bảo quản các loại thực phẩm dễ hỏng như đồ ăn chế biến sẵn, thịt và các sản phẩm xúc xích.

u Ngăn dưới cùng: Bảo quản thịt sống hoặc cá sống.

5.3 Dễ dàng làm mới

EasyFresh phù hợp với các loại thực phẩm không đóng gói như trái cây và rau quả.

Độ ẩm trong ngăn phụ thuộc vào độ ẩm của sản phẩm được lưu trữ và tần suất mở ngăn. Bạn có thể kiểm soát độ ẩm. (xem 8.7 Kiểm soát độ ẩm)

5.3.1 Phân loại thực phẩm

u Bảo quản trái cây và rau quả không đóng gói.

Nếu độ ẩm quá cao: u Điều chỉnh độ ẩm. (xem

8.7 Kiểm soát độ ẩm)

5.4 Thời gian lưu trữ Thời

gian lưu trữ nêu trên chỉ mang tính chất hướng dẫn.

Đối với thực phẩm có thông tin về thời hạn sử dụng tối thiểu, ngày ghi trên bao bì luôn được áp dụng.

5.4.1 Phần làm mát

Ngày hết hạn sử dụng được ghi trên bao bì.

6 Tiết kiệm năng lượng

- Luôn chú ý đến việc thông gió. Che kín các lỗ thông gió tương ứng. -không tắt lưới điện.

- Luôn giữ cho các lỗ thông gió thông thoáng.

- Không đặt thiết bị ở nơi có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp hoặc gần lò sưởi hoặc những thiết bị tương tự.

- Nếu bạn đặt thiết bị ngay cạnh lò nướng, mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng nhẹ. Điều này phụ thuộc vào thời gian và cường độ sử dụng lò nướng.

- Mức tiêu thụ năng lượng phụ thuộc vào điều kiện lắp đặt như: nhiệt độ môi trường (xem mục 1.4 Phạm vi ứng dụng của thiết bị). Ở nhiệt độ môi trường ấm hơn, mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng lên.

- Nếu có thể, hãy mở thiết bị trong thời gian ngắn nhất có thể.

- Nhiệt độ cài đặt càng thấp thì mức tiêu thụ điện năng càng cao.

- Thực phẩm được phân loại tại home.liebherr.com/food sắp xếp:

- Bảo quản tất cả thực phẩm được bọc và đậy kín đúng cách.

Ngăn ngừa hiện tượng ngưng tụ.

- Lấy thức ăn ra lâu nhất có thể để nó đứng quá nóng.

- Đặt đĩa nóng: trước tiên cho đến khi đạt đến nhiệt độ phòng để thấp nguội.

- Đối với những kỳ nghỉ dài hơn, hãy sử dụng HolidayMode (xem HolidayMode).

7 Bộ

7.1 Các yếu tố vận hành và hiển thị

7.1.1 Hiển thị trạng thái



Hình

6 (1) Màn hình hiển thị nhiệt độ của ngăn làm mát Màn

hình trạng hiển thị nhiệt độ đã cài đặt và ở chế độ hiển thị ban đầu. Từ đây bạn có thể điều hướng đến các chức năng và cài đặt.

7.1.2 Biểu tượng Các

biểu tượng cung cấp thông tin về trạng thái hiện tại của thiết bị.

Biểu tượng	Tình trạng của thiết bị
	Thiết bị chờ hoặc vùng nhiệt độ đã tắt.
	Số nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Nhiệt độ tăng cho đến khi đạt đến giá trị cài đặt.
	Biểu tượng nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Đang trong quá trình thiết lập.
	Beam đang được xây dựng.
	Chức năng đang được kích hoạt.

7.2 Chức năng của thiết bị

7.2.1 Ghi chú về chức năng của thiết bị

Các chức năng của thiết bị được thiết lập tại nhà máy để thiết bị của bạn hoạt động đầy đủ chức năng.

Trước khi thay đổi, kích hoạt hoặc hủy kích hoạt các chức năng của thiết bị, hãy kiểm tra xem các điều kiện sau có được đáp ứng hay không:

q Bạn đã đọc và hiểu mô tả về cách hiển thị hoạt động. (xem 3 Hoạt động của Màn hình cảm ứng)

q Bạn đã quen thuộc với các thành phần hoạt động và hiển thị của thiết bị.



Bật và tắt thiết bị

Sử dụng chức năng này để tắt và bật toàn bộ thiết bị.

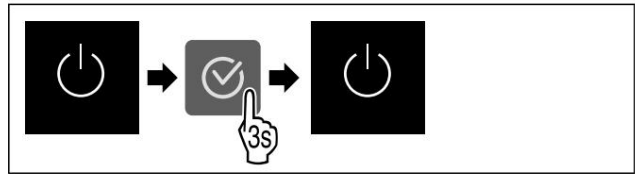
Tắt thiết bị Khi bạn tắt

thiết bị, các cài đặt trước đó sẽ được giữ nguyên.

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: q Đã thực hiện các hướng dẫn (xem mục 11 Ngủ sử dụng).



Hình 7



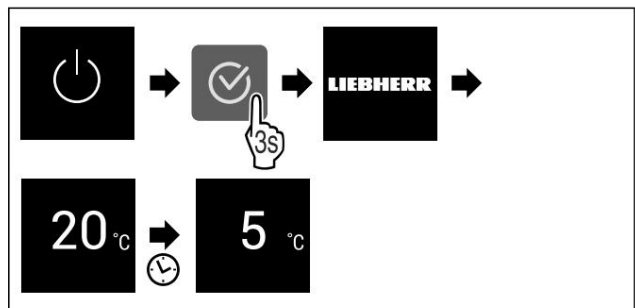
Hình 8

u Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Thiết bị đã tắt. Biểu tượng Chờ sẽ xuất hiện trên màn hình. w Màn hình chuyển sang màu đen.

Bật thiết bị

Nếu màn hình đang ở chế độ ngủ:

u Nhấn bất kỳ phím điều hướng nào.



Hình 9 Màn hình mẫu u Thực

hiện các bước theo hình minh họa.

Khi thiết bị khởi động vào chế độ demo: u Tắt chế độ demo. (xem mục Tắt chế độ Demo) w Thiết bị được bật. w Các thiết lập trước đó đã được khôi phục. Thiết bị sẽ nguội đến nhiệt độ mục tiêu đã cài đặt.



Mạng WLAN

Tính năng này kết nối thiết bị của bạn với WiFi. Sau đó, bạn có thể vận hành thiết bị của mình trên thiết bị di động thông qua ứng dụng SmartDevice. Chức năng này cũng cho phép bạn ngắt kết nối hoặc kết nối lại WiFi.

Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần có SmartDeviceBox.

Thông tin thêm về SmartDevice: (xem 1.3 SmartDevice)

Lưu ý Chức

năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.

Kết nối với WiFi lần đầu tiên Hãy đảm bảo đáp ứng các

điều kiện sau: q SmartDeviceBox đã được mua và cài đặt. (xem 1.3

Thông minh-
Thiết

bị) q SmartDevice-app là đã cài đặt

(chỉn thấy)

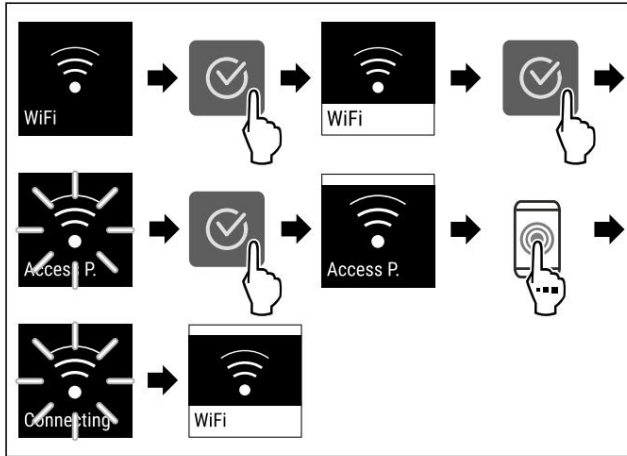
apps.home.liebherr.com).

q Đã hoàn tất việc đăng ký trên ứng dụng SmartDevice.

Bộ



Hình 10



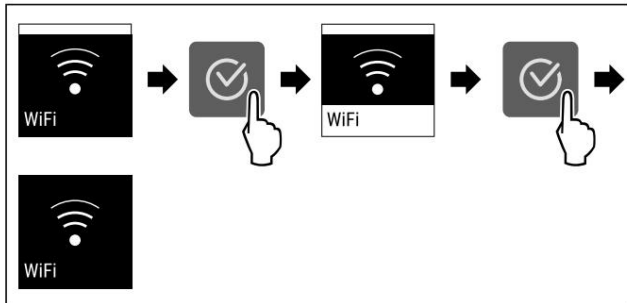
Hình 11

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Kết nối đã được thiết lập.

Ngắt kết nối WLAN



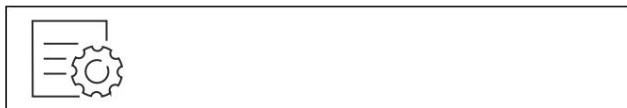
Hình 12



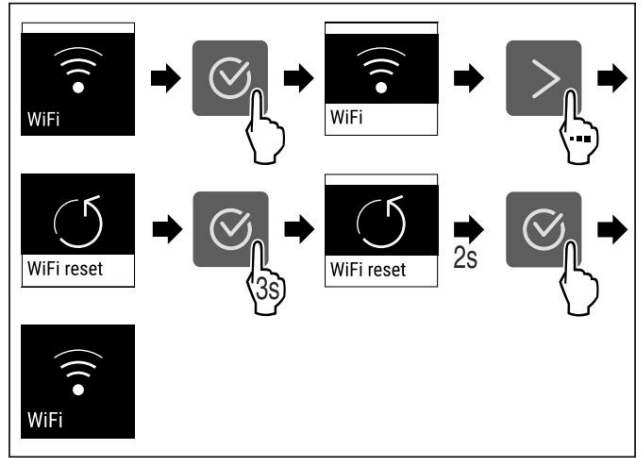
Hình 13

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Đã mất kết nối.

Đặt lại kết nối WLAN



Hình 14



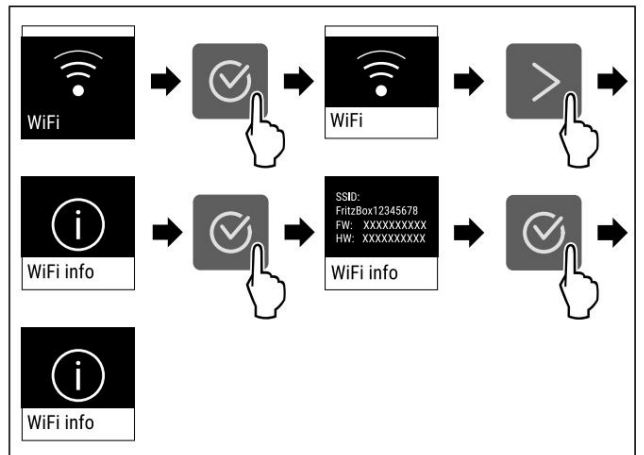
Hình 15

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Kết nối WiFi và các cài đặt WiFi khác đã trở lại - khôi phục cài đặt gốc.

Hiển thị thông tin về kết nối WiFi



Hình 16



Hình 17

Thực hiện các bước theo hình ảnh.

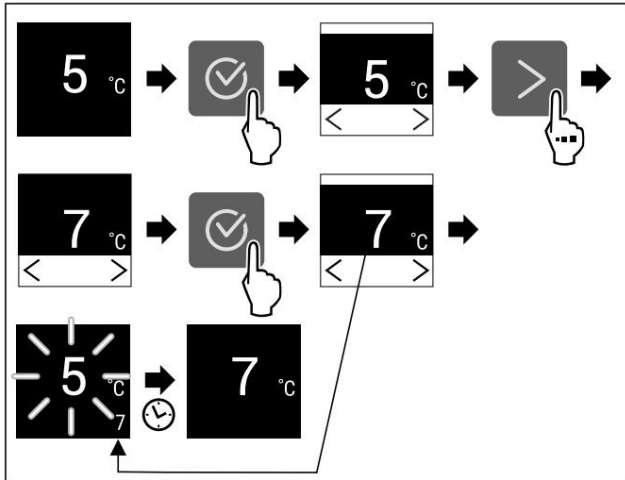
5^{°C} Nhiệt độ

Chức năng này cho phép bạn cài đặt nhiệt độ.


Nhiệt độ phụ thuộc vào các yếu tố sau: - Tần suất mở cửa - Thời gian mở cửa - Nhiệt độ phòng tại vị trí lắp đặt - Loại, nhiệt độ và số lượng thực phẩm

Vùng nhiệt độ	Nhiệt độ cài đặt tại nhà máy	Cài đặt được đề xuất
5 ^{°C} Phần làm mát	5 °C	4 °C

Cài đặt nhiệt độ



Hình 18 Màn hình mẫu u Thực hiện các bước theo hình minh họa. w Nhiệt độ đã được thiết lập.

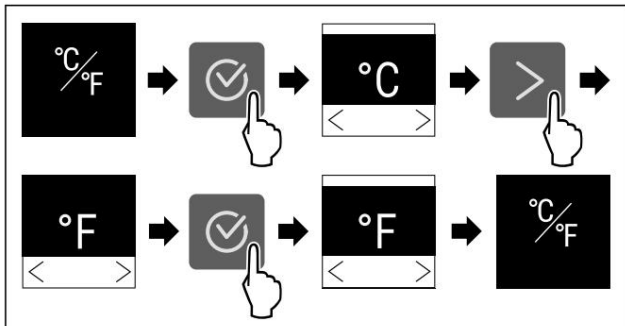
 Đơn vị nhiệt độ

Chức năng này cài đặt đơn vị nhiệt độ. Bạn có thể đặt độ C và độ F làm đơn vị nhiệt độ.

Đặt đơn vị nhiệt độ




Hình 19



Hình 20 Màn hình mẫu: Chuyển đổi giữa độ C và độ F.

u Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Đơn vị nhiệt độ đã được thiết lập.

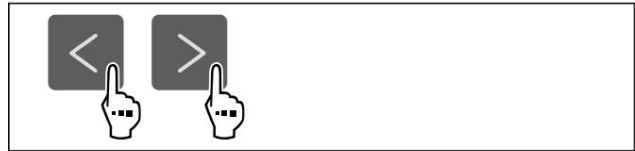
 Siêu mát mẽ

Chức năng này kích hoạt hoặc hủy kích hoạt SuperCool. Khi bạn kích hoạt SuperCool, thiết bị sẽ tăng khả năng làm mát. Điều này cho phép bạn đạt được nhiệt độ làm mát thấp hơn. Bạn có thể kích hoạt SuperCool nếu muốn làm mát nhanh lượng thực phẩm lớn.

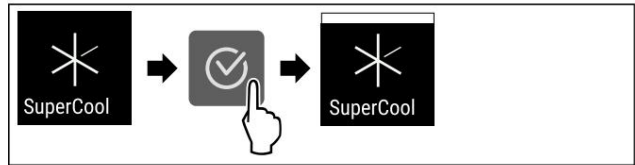
Khi chức năng này được kích hoạt, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Điều này có thể tạm thời khiến tiếng ồn khi vận hành của thiết bị lớn hơn và có thể làm tăng mức tiêu thụ năng lượng.

Kích hoạt SuperCool Khi

nào kích hoạt chức năng này: - Nếu bạn muốn bảo quản thực phẩm tươi sống ngăn mát tủ lạnh: Kích hoạt chức năng này khi cho thực phẩm vào.



Hình 21



Hình 22

u Thực hiện các bước theo hình ảnh. w SuperCool được kích hoạt.

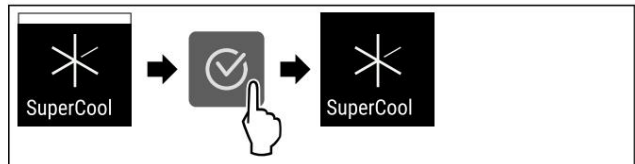
Tắt SuperCool SuperCool

sẽ tự động tắt sau 18 giờ. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt SuperCool theo cách thủ công bất cứ lúc nào.

Được đưa ra bởi:




Hình 23



Hình 24

giờ Thực hiện các bước theo hình ảnh. w SuperCool đã bị vô hiệu hóa. w Thiết bị vẫn tiếp tục hoạt động ở chế độ bình thường. Thiết bị sẽ nguội xuống nhiệt độ đã cài đặt trước đó.

 Làm mát mạnh mẽ

Chức năng này kích hoạt hoặc hủy kích hoạt PowerCool. PowerCool đảm bảo nhiệt độ tối ưu để làm mát thực phẩm của bạn.

Chức năng này liên quan đến bộ phận làm mát.

Ứng dụng: -

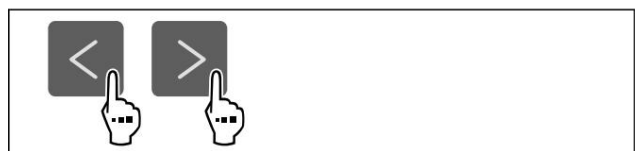
ở nhiệt độ phòng cao (từ khoảng 35 °C) - ở độ ẩm cao, chẳng hạn như vào những ngày hè - khi bảo quản các sản phẩm ẩm ướt, để tránh ngưng tụ bên trong

Lưu ý Quạt

vẫn có thể chạy khi chức năng này bị vô hiệu hóa. Điều này đảm bảo nhiệt độ được phân phối tối ưu trong thiết bị.

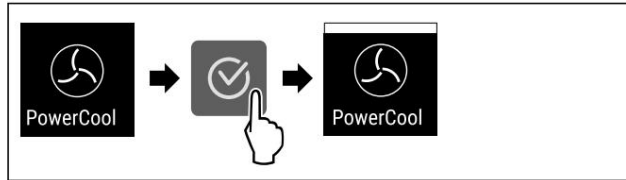
Khi chức năng này được kích hoạt, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Điều này có thể tạm thời khiến tiếng ồn khi vận hành của thiết bị lớn hơn và có thể làm tăng mức tiêu thụ năng lượng.

Kích hoạt PowerCool



Bộ

Hình 25



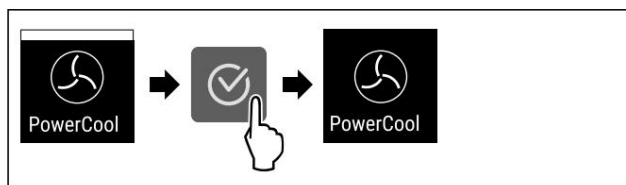
Hình 26

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w PowerCool được kích hoạt.

Tắt PowerCool



Hình 27



Hình 28

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w PowerCool đã bị vô hiệu hóa.



Thời trang tiệc tùng *

Chức năng này cho phép bạn kích hoạt hoặc hủy kích hoạt PartyMode. PartyMode kích hoạt nhiều chức năng hữu ích cho bữa tiệc.

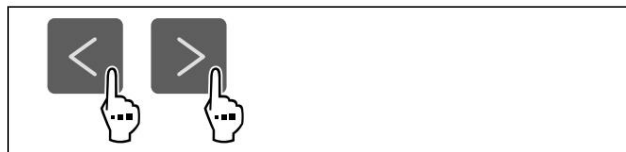
PartyMode kích hoạt các tính năng sau:

- SuperCool (xem SuperCool)

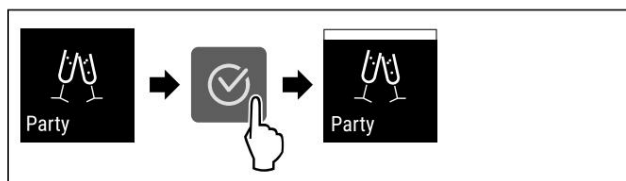
Bạn có thể thiết lập tắt cả các chức năng được gọi riêng lẻ và linh hoạt. Tắt PartyMode sẽ hủy bỏ mọi thay đổi.

Khi chức năng này được kích hoạt, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Điều này có thể tạm thời khiến tiếng ồn khi vận hành của thiết bị lớn hơn và có thể làm tăng mức tiêu thụ năng lượng.

Kích hoạt PartyMode



Hình 29



Hình 30

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w PartyMode và các chức năng của nó được kích hoạt. w Nhiệt độ hiện tại nhấp nháy cho đến khi đạt được nhiệt độ mục tiêu đặt tới.

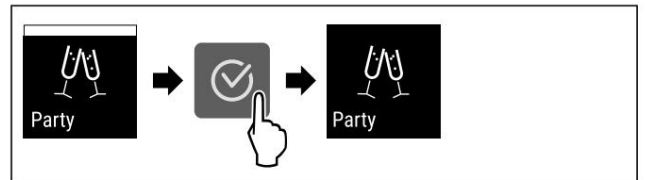
Tắt PartyMode PartyMode

sẽ tự động bị tắt sau 24 giờ.

Tuy nhiên, bạn cũng có thể hủy kích hoạt PartyMode theo cách thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 31



Hình 32

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w PartyMode đã bị vô hiệu hóa.

Thiết bị sẽ nguội xuống

nhiệt độ đã cài đặt trước đó: Nhiệt độ hiện tại sẽ nhấp nháy cho đến khi đạt được nhiệt độ mục tiêu.



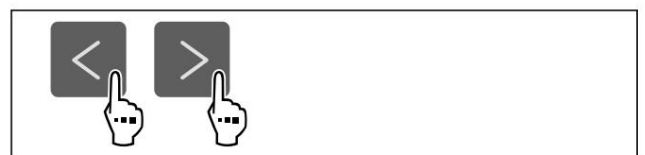
Chế độ nghỉ lễ

Chức năng này cho phép bạn kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chế độ HolidayMode. Khi bạn kích hoạt chế độ HolidayMode, ngăn làm mát sẽ được đặt ở mức 15 °C. Điều này giúp tiết kiệm năng lượng khi vắng nhà lâu ngày và ngăn ngừa mùi khó chịu cũng như nấm mốc phát triển.

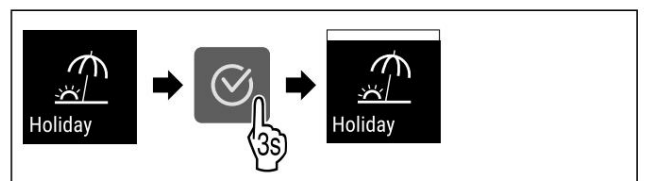
Trạng thái thiết bị khi chế độ HolidayMode đang hoạt động
Ngăn làm mát sẽ giảm nhiệt độ xuống còn 15 °C.
EasyFresh có thể làm mát tới 15 °C.
PartyMode đã bị vô hiệu hóa.*
SuperCool đã bị vô hiệu hóa.
PowerCool đã bị vô hiệu hóa.

Kích hoạt chế độ

HolidayMode u Làm trống hoàn toàn ngăn tủ lạnh. Bạn phải đổ hết EasyFresh ra.



Hình 33



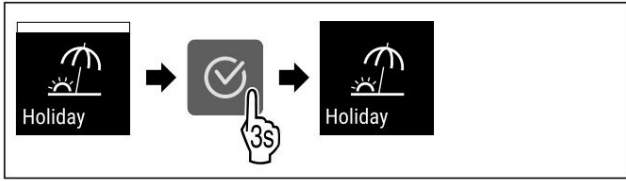
Hình 34

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w HolidayMode được kích hoạt. w Đèn báo nhiệt độ hiển thị biểu tượng HolidayMode.

Tắt chế độ HolidayMode



Hình 35



Hình 36

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w HolidayMode đã bị vô hiệu hóa. Thiết bị sẽ nguội xuống nhiệt độ đã cài đặt trước đó.



Chế độ ngày Sa-bát

Chức năng này kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chế độ SabbathMode.

Kích hoạt chức năng này sẽ vô hiệu hóa một số chức năng điện tử. Điều này có nghĩa là thiết bị của bạn đáp ứng các yêu cầu tôn giáo vào các ngày lễ của người Do Thái như ngày Sa-bát và đạt chứng nhận STAR-K Kosher.

Trạng thái thiết bị khi SabbathMode đang hoạt
động Màn hình trạng thái liên tục hiển thị SabbathMode.
Tất cả các chức năng trên màn hình, ngoại trừ chức năng hủy kích hoạt SabbathMode, đều bị khóa.
Các chức năng đang hoạt động vẫn đang hoạt động.
Màn hình vẫn sáng khi bạn đóng cửa.
Ký ức không được thực hiện. Khoảng thời gian đã đặt sẽ dừng lại.
Những lời nhắc nhở và cảnh báo không được thực hiện.
Không có báo động cửa.
Không có báo động nhiệt độ.
Chu trình xả đông chỉ hoạt động theo thời gian đã nhập trước mà không tính đến việc sử dụng thiết bị.
Sau khi mất điện, thiết bị sẽ trở về chế độ SabbathMode.

Trạng thái thiết bị

Lưu ý Thiết

bị này được chứng nhận bởi "Viện Khoa học và Halacha".
(www.machonhalacha.co.il)

Bạn có thể tìm thấy danh sách các thiết bị được chứng nhận STAR-K tại
www.star-k.org/appliances.

Kích hoạt SabbathMode



CẢNH BÁO Nguy cơ ngộ

độc từ thực phẩm hư hỏng!

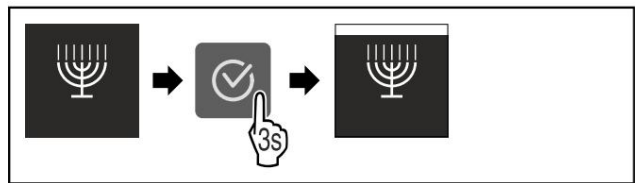
Nếu bạn đã kích hoạt SabbathMode và mất điện, sẽ không có thông báo nào xuất hiện trên màn hình trạng thái về việc mất điện. Sau khi mất điện, thiết bị sẽ tiếp tục hoạt động ở Chế độ Sabbath. Mất điện có thể làm thực phẩm bị hỏng. Việc tiêu thụ nó có thể gây ngộ độc thực phẩm.

Sau khi mất điện: u Không

bảo quản thực phẩm đông lạnh đã xả đông.
tiêu thụ nhiều hơn.



Hình 37

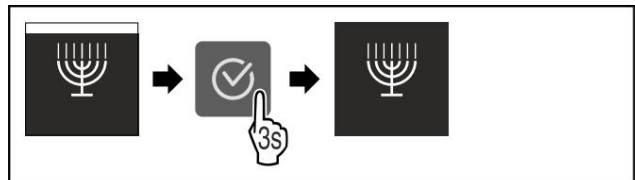


Hình 38

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w SabbathMode được kích hoạt. w Màn hình trạng thái luôn hiển thị chế độ SabbathMode.

Tắt chế độ SabbathMode

Chế độ SabbathMode sẽ tự động bị vô hiệu hóa sau 80 giờ. Tuy nhiên, bạn cũng có thể hủy kích hoạt SabbathMode theo cách thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 39

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w SabbathMode đã bị vô hiệu hóa.



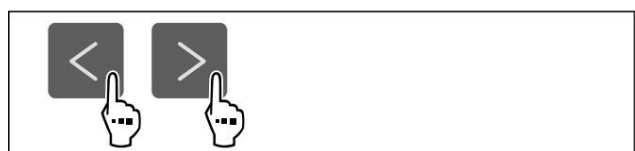
Tiết kiệm điện tử

Chức năng này kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chế độ tiết kiệm năng lượng. Kích hoạt chế độ tiết kiệm năng lượng sẽ làm giảm mức tiêu thụ năng lượng và tăng nhiệt độ bên trong thiết bị. Thực phẩm vẫn tươi nhưng thời hạn sử dụng bị giảm.

Vùng nhiệt độ Cài đặt được khuyến nghị- (xem mục Cài đặt nhiệt độ	Điều chỉnh nhiệt độ của E-Saver)
5 °C Phần làm mát	4 °C 7 °C

Nhiệt độ

Kích hoạt E-Saver



BỘ

Hình 40



Hình 41

Thực hiện các bước theo hình ảnh. Chế độ tiết kiệm năng lượng được kích hoạt.

Hủy kích hoạt E-Saver



Hình 42



Hình 43

Thực hiện các bước theo hình ảnh. Chế độ tiết kiệm năng lượng đã bị vô hiệu hóa.



CleaningMode Chức

năng này kích hoạt hoặc hủy kích hoạt CleaningMode. Chế độ CleaningMode cho phép vệ sinh thiết bị một cách thuận tiện.

Cài đặt này áp dụng cho phần làm mát.

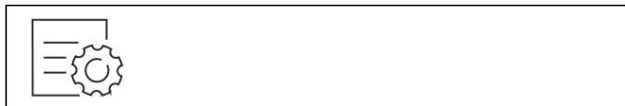
Ứng dụng: -

Vệ sinh khoang làm mát. (xem 9.4 Vệ sinh thiết bị)

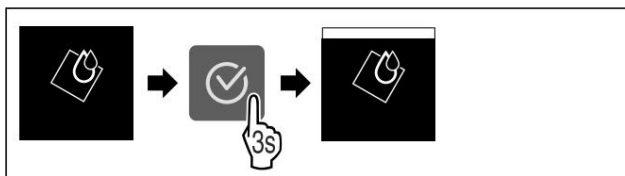
Trạng thái thiết bị khi đang ở chế độ CleaningMode
đang hoạt động Màn hình trạng thái liên tục hiển thị CleaningMode.
Ngăn làm mát đã tắt.
Lời nhắc và cảnh báo không được hiển thị. Không có tín hiệu âm thanh.

Trạng thái thiết bị

Kích hoạt CleaningMode



Hình 44

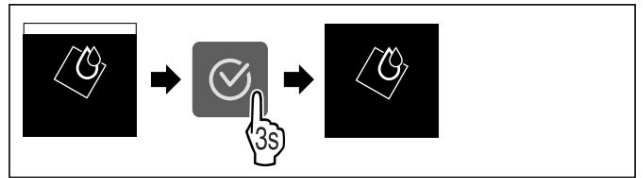


Hình 45

Thực hiện các bước theo hình ảnh. CleaningMode được kích hoạt. Màn hình trạng thái luôn hiển thị CleaningMode.

Tắt chế độ vệ sinh Chế độ vệ

sinh sẽ tự động tắt sau 60 phút. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt CleaningMode theo cách thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 46

Thực hiện các bước theo hình ảnh. CleaningMode đã bị vô hiệu hóa. Thiết bị sẽ nguội xuống nhiệt độ đã cài đặt trước đó.



Độ sáng màn hình

Chức năng này cho phép bạn điều chỉnh độ sáng của màn hình theo từng bước.

Bạn có thể thiết lập các mức độ sáng sau: - 40% - 60% - 80% - 100%

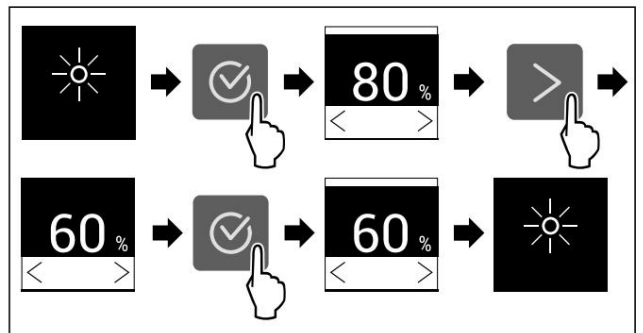
(cài đặt

trước)

Điều chỉnh độ sáng



Hình 47



Hình 48 Ví dụ hiển thị: Chuyển từ 80% sang 60%. Thực hiện các bước theo hình ảnh. Độ sáng đã được thiết lập.



Deuralarm

Chức năng này kích hoạt hoặc hủy kích hoạt báo động cửa.

Chuông báo động cửa sẽ kêu nếu cửa mở quá lâu. Chuông báo động cửa sẽ được kích hoạt khi giao hàng. Bạn có thể cài đặt thời gian cửa có thể mở cho đến khi chuông báo cửa kêu.

Bạn có thể thiết lập các giá trị sau: - 1 phút -

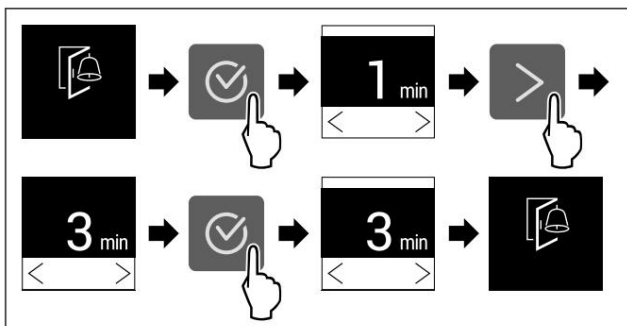
2 phút - 3 phút

- Ngoài

Đặt báo động cửa



Hình 49



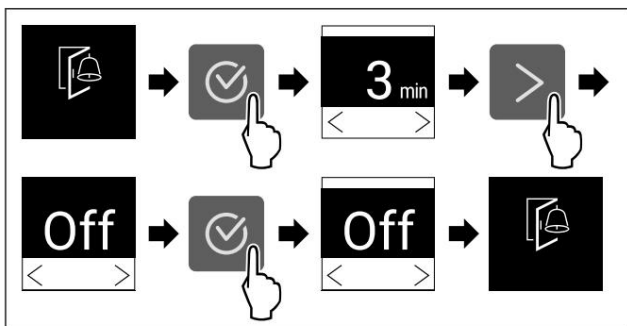
Hình 50 Ví dụ hiển thị: Thay đổi báo động cửa từ 1 phút thành 3 phút.

u Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Báo động cửa đã được cài đặt.

Tắt báo động cửa



Hình 52



Hình 53

u Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Báo động cửa đã bị vô hiệu hóa.



Chặn đầu vào

Chức năng này kích hoạt hoặc hủy kích hoạt khóa đầu vào. Khóa đầu vào ngăn không cho trẻ em vô tình chạm vào thiết bị.

Ứng dụng: -

Ngăn chặn những thay đổi không mong muốn đối với chức năng.

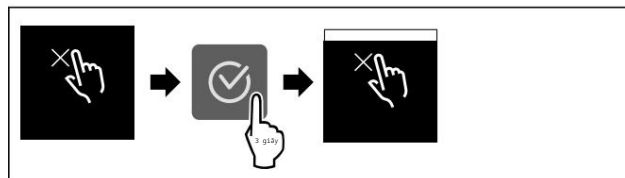
- Ngăn chặn thiết bị bị tắt ngoài ý muốn.
- Tránh cài đặt nhiệt độ không mong muốn.

Kích hoạt khóa đầu vào Nếu

bạn kích hoạt khóa đầu vào, bạn có thể điều hướng trong menu nhưng không thể chọn hoặc thay đổi các chức năng khác.



Hình 54



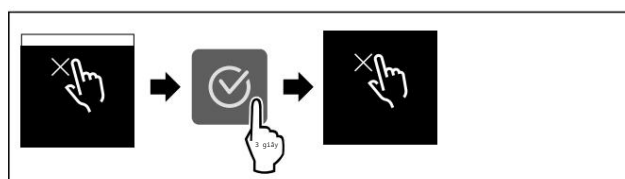
Hình 55

u Thực hiện các bước theo hình ảnh. Khóa đầu vào được kích hoạt.

Vô hiệu hóa chặn đầu vào



Hình 56



Hình

57 u Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Chức năng chặn đầu vào bị vô hiệu hóa.



Thông tin thiết bị

Chức năng này hiển thị tên model, chỉ mục, số sê-ri và số dịch vụ của thiết bị. Bạn sẽ cần thông tin về thiết bị khi liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Chức năng này cũng mở menu Nâng cao. (xem 3 Hoạt động của Màn hình cảm ứng)

Hiển thị thông tin thiết bị



Hình 58



Hình 59

u Thực hiện các bước theo hình ảnh. Màn hình hiển thị thông tin thiết bị.



Phần mềm

Chức năng này cho phép bạn cài đặt phiên bản phần mềm của thiết bị.

Hiển thị phiên bản phần mềm



Hình 60

BỘ



Hình 61

Thực hiện các bước theo hình ảnh. Màn hình hiển thị phiên bản phần mềm.



Ký ức

Chức năng này cho phép bạn kích hoạt hoặc hủy kích hoạt lời nhắc. Chức năng này được kích hoạt khi giao hàng.

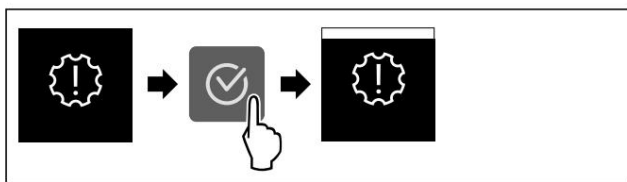
Khi chức năng này được kích hoạt, những lời nhắc sau sẽ xuất hiện:

- Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir (xem FreshAir active thay thế bộ lọc carbon)

Kích hoạt lời nhắc



Hình 62



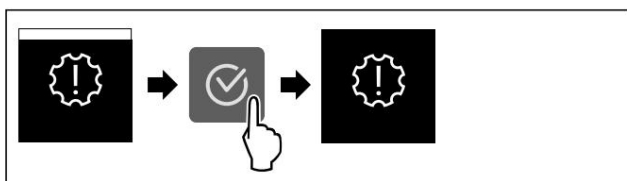
Hình 63

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Lời nhắc đã được kích hoạt.

Tắt lời nhắc



Hình 64



Hình 65

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Lời nhắc đã bị vô hiệu hóa.



Chế độ demo

Chế độ demo là tính năng đặc biệt dành cho các đại lý muốn trình diễn các chức năng của thiết bị. Nếu bạn kích hoạt chế độ demo, tất cả các chức năng làm lạnh sẽ bị vô hiệu hóa.

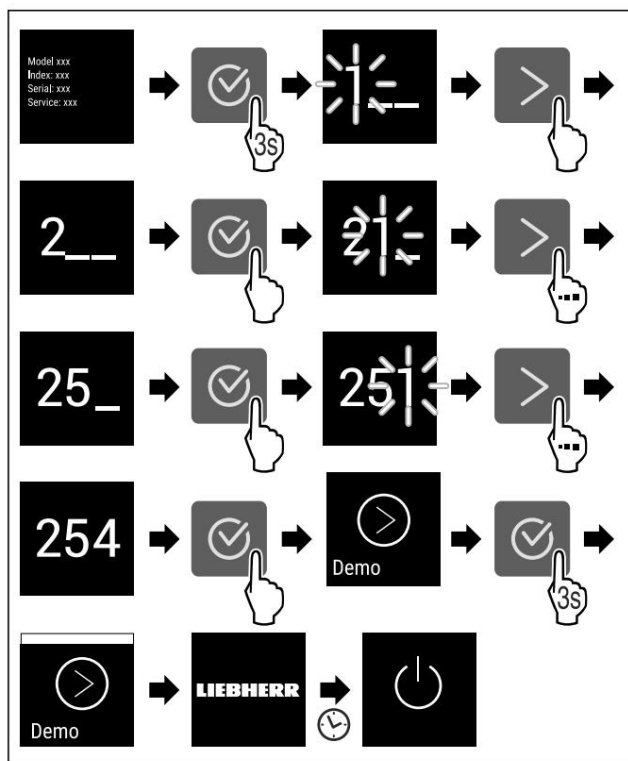
Nếu bạn bật thiết bị và chữ "Demo" xuất hiện trên màn hình trạng thái thì chế độ demo đã được kích hoạt.

Nếu bạn kích hoạt chế độ demo rồi tắt đi, thiết bị sẽ được khôi phục về cài đặt gốc. (xem mục Khôi phục cài đặt gốc)

Kích hoạt chế độ demo



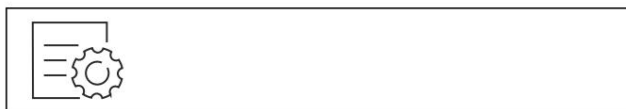
Hình 66



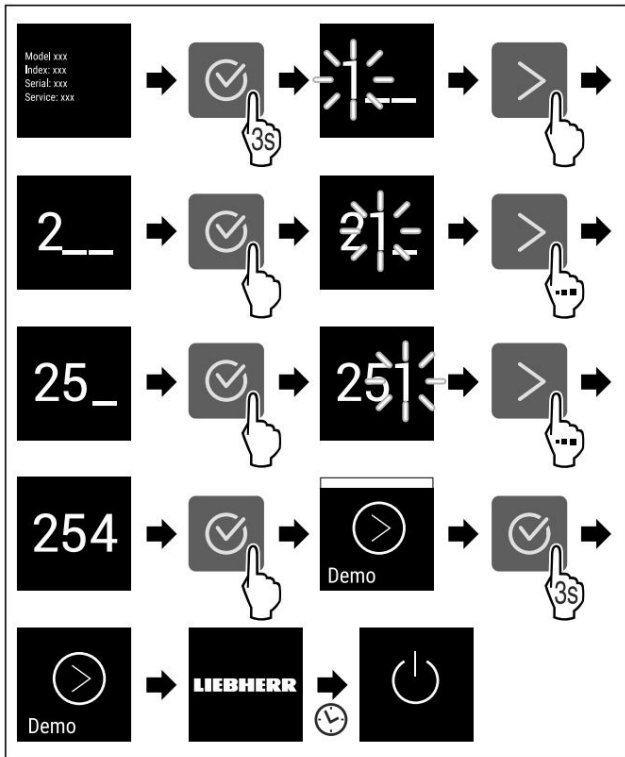
Hình 67

Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Chế độ Demo được kích hoạt. w Thiết bị đã tắt. u Bật thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (khởi chạy ban đầu)) khi "DEMO" xuất hiện trên màn hình hiển thị trạng thái.

Tắt chế độ demo



Hình 68



Hình 69

u Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Chế độ Demo đã bị vô hiệu hóa. w Thiết bị đã tắt.
u Bật thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (khởi động ban đầu)) w Thiết bị đã được khôi phục cài đặt gốc.



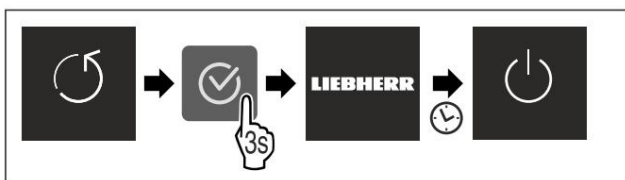
Đặt lại về cài đặt gốc

Sử dụng chức năng này để khôi phục tất cả cài đặt về mặc định của nhà sản xuất. Tất cả các thiết lập bạn đã thực hiện cho đến nay sẽ được khôi phục về thiết lập ban đầu.

Thực hiện thiết lập lại



Hình 70



Hình 71

u Thực hiện các bước theo hình ảnh. w Thiết bị đang được thiết lập lại. w Thiết bị đã tắt. u Khởi động lại thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (khởi động ban đầu))

7.3 Thông điệp

Có hai loại thông báo:

Ý nghĩa của danh mục	
Ở đâu-sự mài mòn	Cảnh báo sẽ xuất hiện khi có báo động cửa hoặc cửa bị trục trặc. Bạn có thể tự mình kết thúc những cảnh báo đơn giản. Trong trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, vui lòng liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)
Tương nhớ	Lời nhắc nhở nhắc bạn nhớ những thủ tục thông thường. Bạn có thể thực hiện các thủ tục này để kết thúc thông báo.

7.3.1 Tổng quan về cảnh báo Hành vi của thiết bị khi

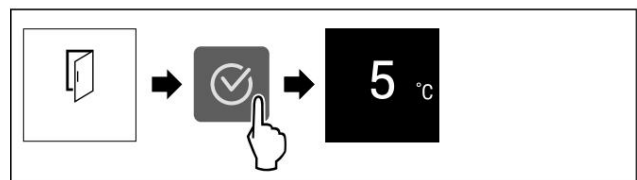
có cảnh báo: - Cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình.

- Âm thanh báo thức ngày càng to.

Thông báo	Nguyên nhân	Tin nhắn kết thúc
Deuralarm	Thông báo sẽ xuất hiện nếu cửa mở quá lâu (xem Báo động cửa). để thực hiện.	
Sai	Thông báo xuất hiện khi có lỗi trong thiết bị (xem mục Lỗi). Một phần của buổi biểu diễn. thiết bị có lỗi.	

7.3.2 Kết thúc cảnh báo

Deuralarm



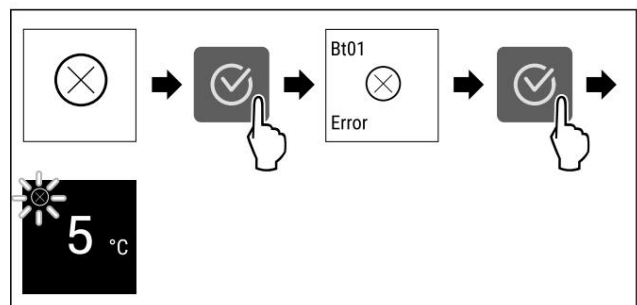
Hình 72 Màn hình mẫu u Thực

hiện các bước như trong hình minh họa. -hoặc- u Đóng cửa lại.

Màn hình chuyển sang màn hình hiển thị trạng thái.

Bạn có thể cài đặt thời gian cửa có thể mở cho đến khi chuông báo cửa kêu. (xem Cài đặt báo động cửa)

Sai



Hình 73 Màn hình mẫu u Nhấn

biểu tượng xác nhận. w Mã lỗi được hiển thị. u Lưu ý mã lỗi. u Nhấn vào biểu tượng xác nhận.

Thiết bị


Màn hình chuyển sang màn hình hiển thị trạng thái. Bạn có thể liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

7.3.3 Tổng quan về bộ nhớ

Hành vi của thiết bị khi có lời nhắc: - Lời nhắc xuất

hiện trên màn hình.

- Có tiếng chuông báo động.

Tín nhắn	Gây ra	Tín nhắn kết thúc cho bạn
 Bộ lọc than hoạt tính FreshAir thay thế	Thông báo này xuất hiện khi bạn cần thay bộ lọc than hoạt tính. thay thế.	Các bước hành động (xem FreshAir- hoạt động kool- thay thế bộ lọc).

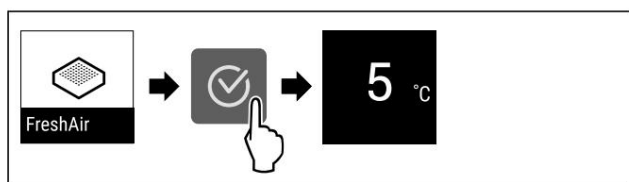
7.3.4 Kết thúc lời nhắc nhớ

Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir Liebherr

khuyến nghị: Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir 6 tháng một lần.

Lưu ý Bộ lọc

than hoạt tính FreshAir có sẵn tại Cửa hàng đồ gia dụng Liebherr tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.



Hình 74 Màn hình mẫu u Nhấn biểu

tượng xác nhận. u Thay thế bộ lọc than hoạt tính. (xem 9.1 Than hoạt tính FreshAir- lọc)

w Bộ lọc than hoạt tính đảm bảo chất lượng không khí tối ưu trong tủ lạnh. w

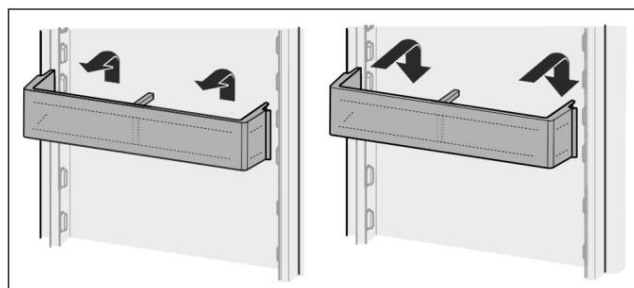
Lời nhắc sẽ xuất hiện lại sau 6 tháng.

Nếu bạn không muốn nhận lời nhắc này nữa, bạn có thể hủy kích hoạt lời nhắc. (xem Tắt lời nhắc)

8 Thiết bị

8.1 Bộ điều chỉnh cửa

8.1.1 Di chuyển / tháo bộ điều chỉnh cửa

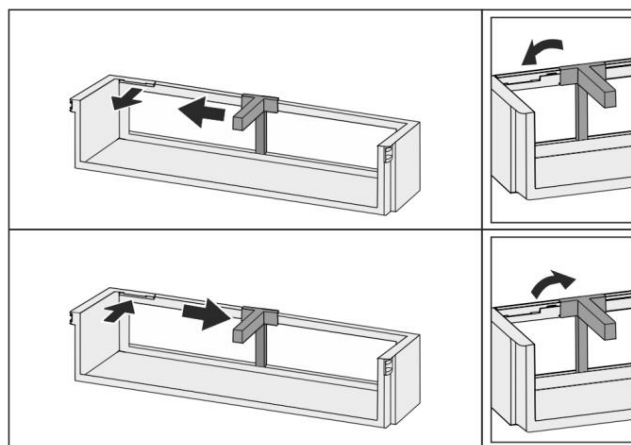


Hình 75

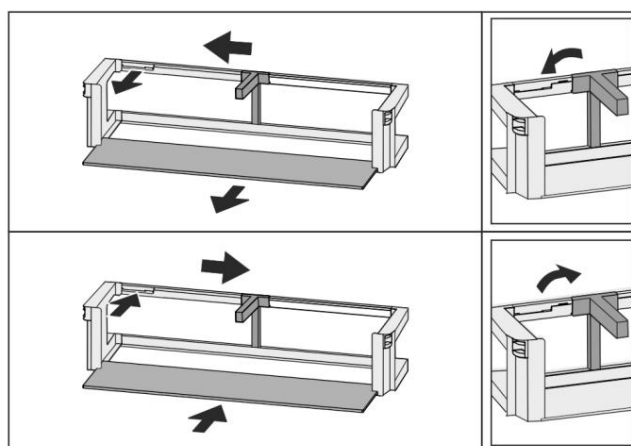
u Trượt bộ điều chỉnh lên trên. u Kéo về phía trước. u Cài đặt lại theo thứ tự ngược lại.

8.1.2 Tháo rời bộ điều chỉnh cửa

Bộ điều chỉnh cửa có thể tháo rời để vệ sinh.



Hình 76



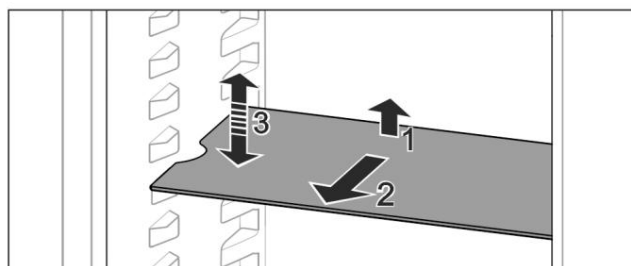
Hình 77

u Tháo bộ điều chỉnh cửa.

8.2 Bộ mang

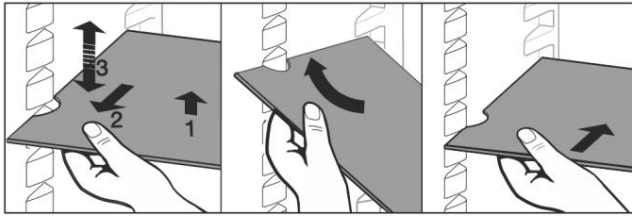
8.2.1 Di chuyển / tháo dỡ sàn mang Sàn mang phải được cố định chắc chắn để

không bị rơi xuống một cách vô tình bằng các điểm dừng kéo ra.



Hình 78

u Nâng bộ mang lên và kéo về phía trước. w Rãnh bên tại vị trí hỗ trợ. u Di chuyển bộ mang: Nâng hoặc hạ xuống bất kỳ độ cao nào và trượt vào. -hoặc-

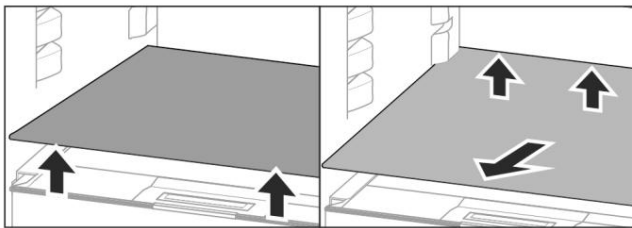


Hình 79

u Để tháo hoàn toàn khay đựng: Kéo khay ra về phía trước. u

Dễ dàng tháo rời: Nghiêng các bộ đỡ. u Để lắp lại khay đựng: Trượt khay vào hoàn toàn. w Các điểm dừng kéo ra được hướng xuống dưới. w Các điểm dừng kéo ra được đặt phía sau giá đỡ phía trước cao nguyên.

Các ngăn phía trên ngăn kéo EasyFresh cũng có thể tháo rời.



Hình 80

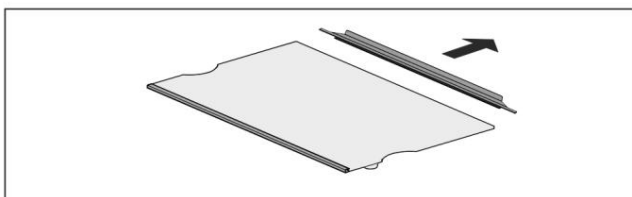
Tháo các kệ: u Nâng các kệ ở mặt trước và mặt sau lên. u Tháo ra từ phía trước.

Không đặt bất kỳ sản phẩm nào lên nắp ngăn bên dưới!

Trượt khay đựng vào: u Lắp khay đựng vào theo một góc nghiêng về phía sau. w Các điểm dừng kéo ra được hướng xuống dưới. u Trượt vào và đặt khay đựng vào.

8.2.2 Tháo dỡ các bộ đỡ

Khay đỡ có thể tháo rời để vệ sinh.



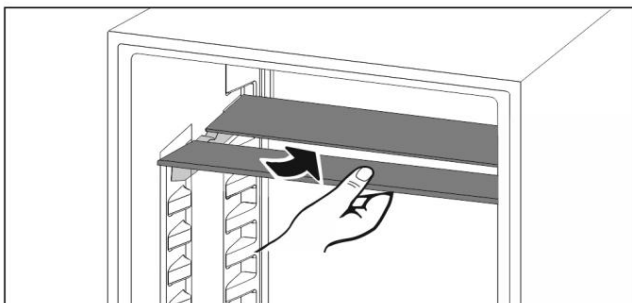
Hình

81 u Tháo rời các khay đựng.

8.3 Bộ mang có thể chia nhỏ*

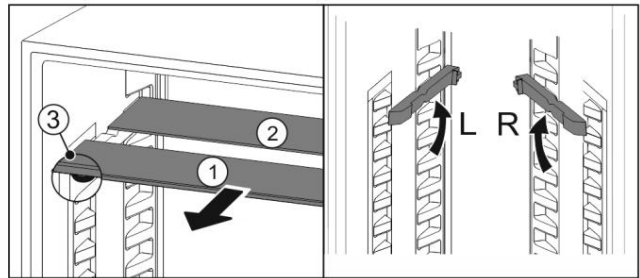
8.3.1 Sử dụng bộ mang có thể chia nhỏ

Các sản phẩm phải được cố định chắc chắn để tránh bị rơi bất ngờ bằng các điểm dừng kéo ra.



Hình 82

u Trượt các ngăn có thể chia ra như trong hình minh họa bên dưới.



Hình 83

Điều chỉnh chiều cao: u Kéo từng tấm kính ra khỏi mặt trước

Hình 83 (1).

u Kéo thanh ray hỗ trợ ra khỏi ổ khóa và vào nhấp vào vị trí độ cao mong muốn.

u Trượt từng tấm kính vào một. w Các điểm dừng kéo ra phẳng ở phía trước, ngay phía sau đường ray steun.

w Chốt kéo phía sau cao.

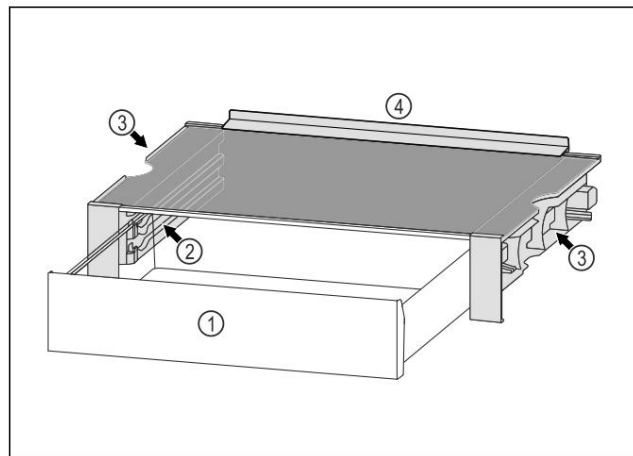
Để sử dụng cả hai bề mặt: u Giữ tấm kính phía dưới bằng một tay và nghiêng về phía kéo về phía trước.

w Tấm kính Hình 83 (1) có khuôn trang trí ở phía trước.

w Các điểm dừng Hình 83 (3) hướng xuống dưới.

8.4 An toàn đa dạng *

VarioSafe cung cấp không gian trong ngăn làm mát cho ví dụ: thực phẩm nhỏ, bao bì, ống và ly.



Hình 84

(1) Khoang chứa hàng VarioSafe

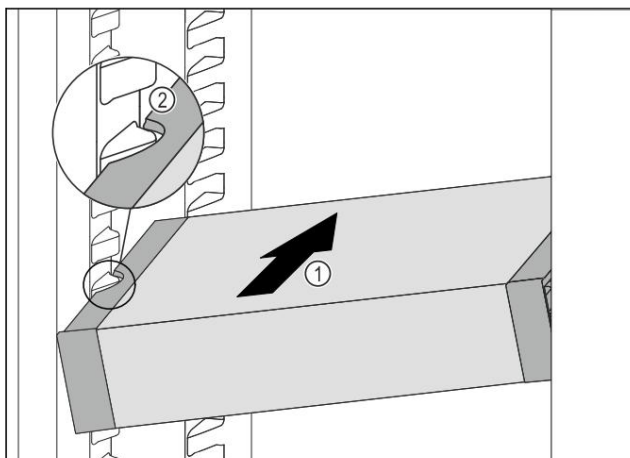
(2) Tường bên có gờ cho ngăn kéo VarioSafe

(3) Các đường cắt ở tường bên trái và bên phải

(4) Cạnh đập

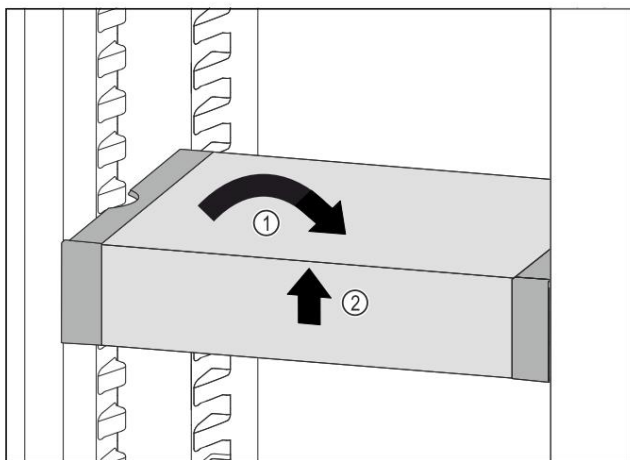
Thiết bị

8.4.1 Cài đặt VarioSafe



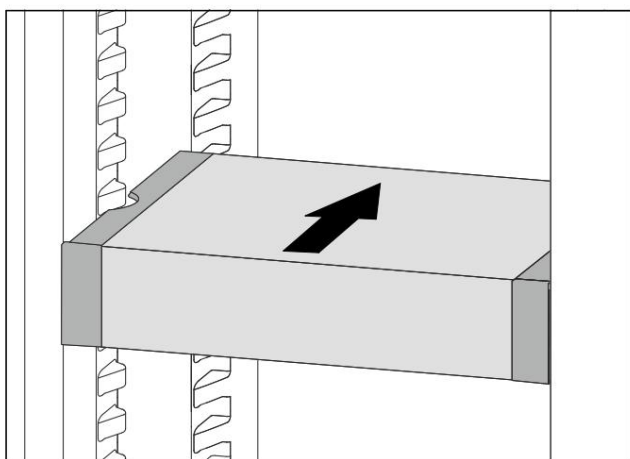
Hình 85

u Trượt VarioSafe vào ngăn làm mát theo góc Hình 85 (1), cho đến các hốc ở mặt bên Hình 85 (2) của Vario-Safe ở độ cao của gờ trong ngăn làm mát.



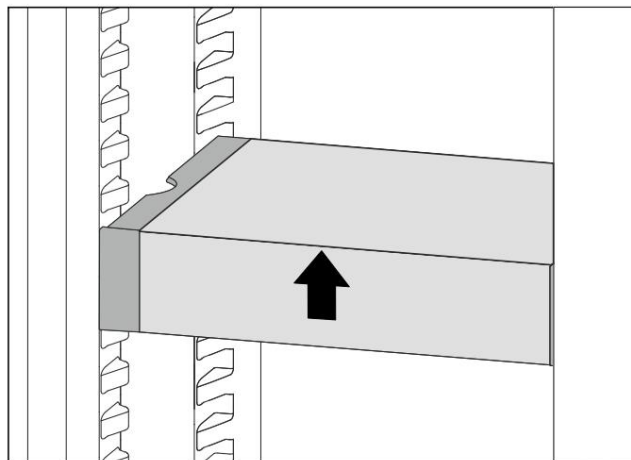
Hình 86

u Điều chỉnh VarioSafe thẳng. Hình 86 (1) u Nâng VarioSafe ở phía trước. Hình 86 (2)



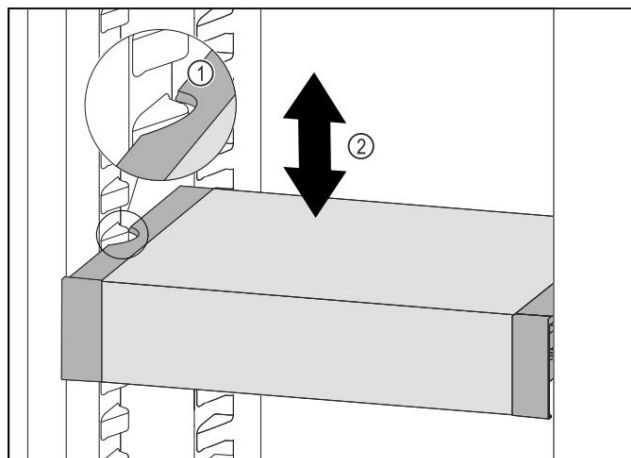
Hình 87

u Nâng VarioSafe về phía trước. u Triển khai VarioSafe về phía sau. Hạ thấp VarioSafe. w VarioSafe kêu tách khi lắp vào vị trí ở phía trước. w VarioSafe đã được cài đặt.



Hình 88

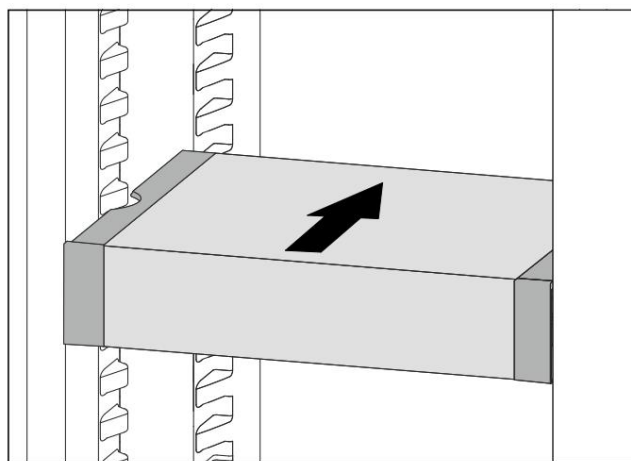
u Nâng VarioSafe ở phía trước.



Hình 89

u Kéo VarioSafe về phía trước cho đến khi các hốc ở bên hông VarioSafe ngang bằng với gờ ở ngăn làm mát. Hình 89 (1)

u Di chuyển VarioSafe lên hoặc xuống trong ngăn làm mát cho đến khi đạt được độ cao mong muốn. Hình 89 (2)



Hình 90

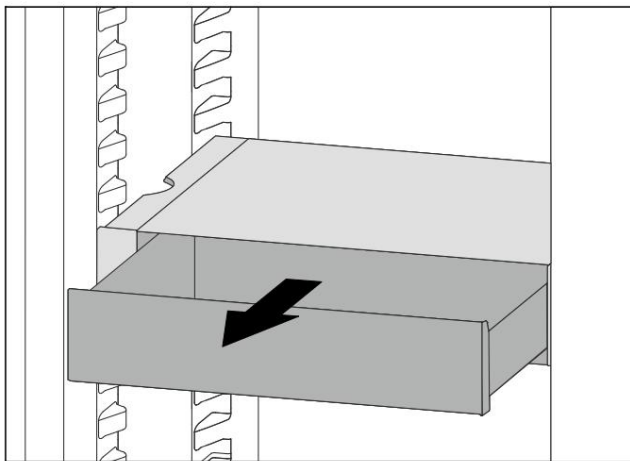
u Nâng VarioSafe ở phía trước. u Triển khai VarioSafe về phía sau. w VarioSafe kêu tách khi lắp vào vị trí ở phía trước. w VarioSafe được đặt ở độ cao mong muốn.

8.4.2 Di chuyển VarioSafe

Bạn có thể đặt toàn bộ VarioSafe vào ngăn làm mát.

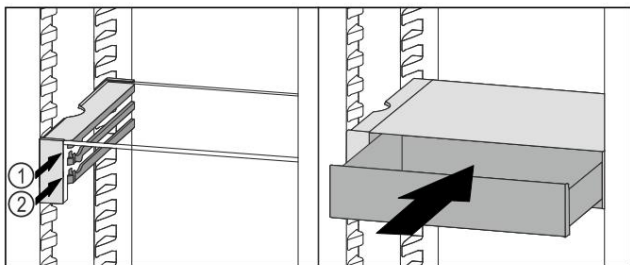
8.4.3 Di chuyển ngăn kéo VarioSafe

Bạn có thể đặt ngăn kéo VarioSafe ở hai độ cao khác nhau. Nếu bạn muốn cất giữ những thực phẩm lớn trong ngăn kéo VarioSafe, hãy đặt ngăn kéo VarioSafe ở ngăn dưới. Nếu bạn muốn cất giữ những thực phẩm nhỏ trong ngăn kéo VarioSafe, hãy đặt ngăn kéo VarioSafe lên thanh ngang trên cùng.



Hình 91

u Kéo ngăn kéo VarioSafe ra xa nhất có thể. u Nâng ngăn kéo VarioSafe ở phía trước. u Tháo ngăn kéo VarioSafe về phía trước.

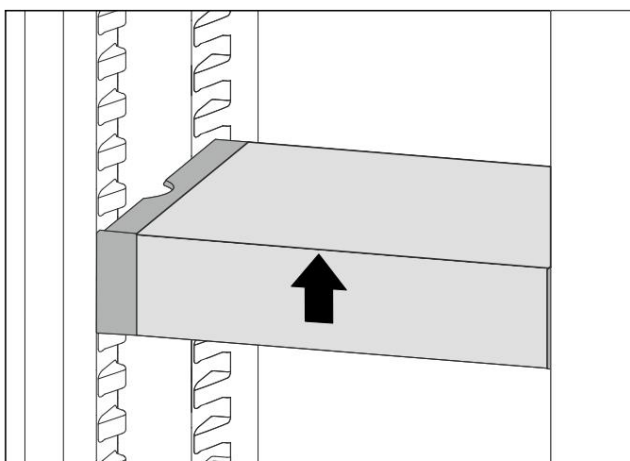


Hình 92

u Nâng ngăn kéo VarioSafe ở phía trước. u Ngăn kéo VarioSafe phía sau các nút chặn trên gờ mong muốn. Hình 92 (1) của Hình 92 (2) đặt. u Ngăn kéo VarioSafe được đặt ở độ cao mong muốn.

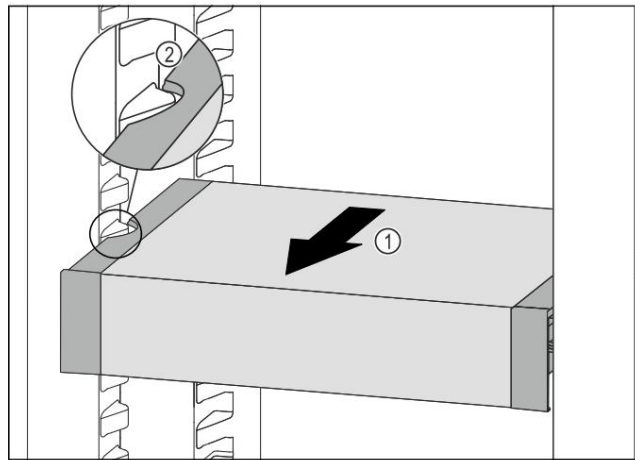
8.4.4 Tháo VarioSafe

Bạn có thể tháo toàn bộ VarioSafe.



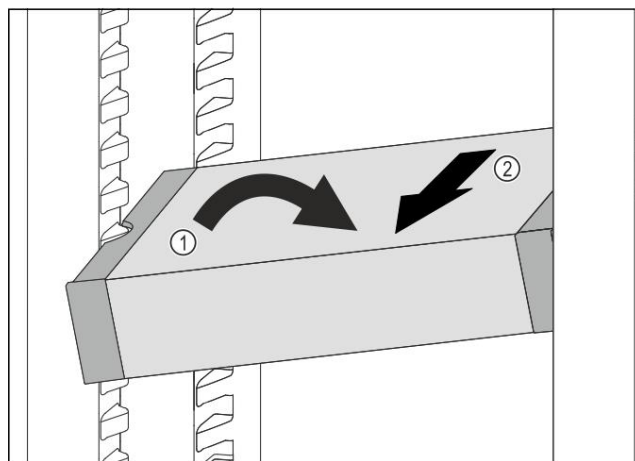
Hình 93

u Nâng VarioSafe ở phía trước.



Hình 94

u Kéo VarioSafe về phía trước theo Hình 94 (1), cho đến khi các hốc ở bên hông VarioSafe ngang bằng với gờ ở ngăn làm mát. Hình 94 (2)

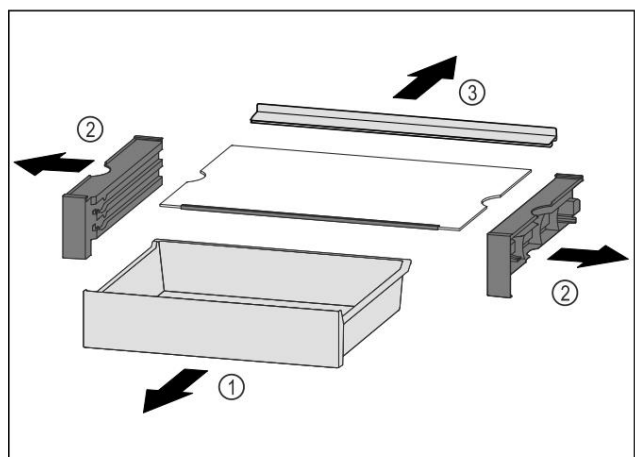


Hình 95

u Đặt VarioSafe vào ngăn làm mát theo một góc nghiêng. Hình 95 (1) u Tháo VarioSafe về phía trước. Hình 95 (2) w VarioSafe đã được gỡ bỏ.

8.4.5 Tháo rời VarioSafe

Bạn có thể tháo rời các bộ phận của VarioSafe nếu bạn muốn vệ sinh VarioSafe hoặc nếu bạn muốn lắp hoặc tháo các bộ phận.



Hình 96

Bạn phải tháo toàn bộ VarioSafe ra. (xem 8.4.4 Tháo VarioSafe) u Tháo rời VarioSafe như trong hình minh họa.

Thiết bị

8.5 Có sẵn

Bạn có thể tháo ngăn kéo để vệ sinh.

Phương pháp tháo và lắp ngăn kéo phụ thuộc vào hệ thống kéo ra. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống trượt ra.

Lưu ý: Mức

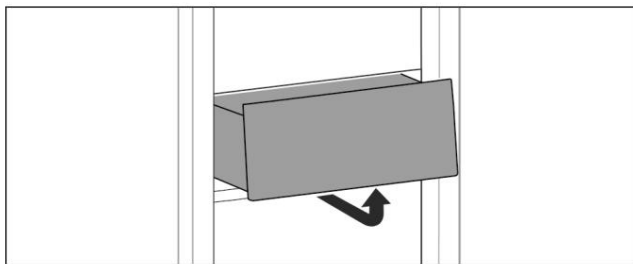
tiêu thụ năng lượng tăng và khả năng làm mát giảm nếu thông gió không đủ. u Giữ các lỗ thông gió ở bên trong

bức tường phía sau luôn trống!

8.5.1 Ngăn kéo trên để thiết bị hoặc tấm kính

Ngăn kéo chạy trực tiếp trên đế thiết bị hoặc trên tấm kính. Không có đường ray.

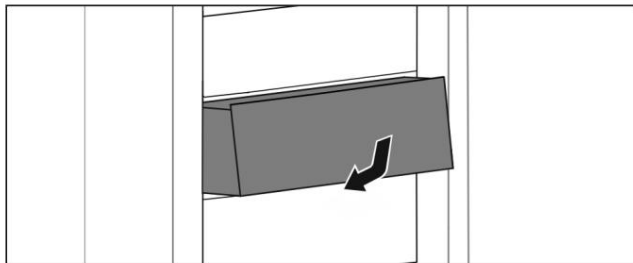
Tháo khay



Hình 97

u Tháo ngăn kéo như trong hình minh họa.

Đặt ngăn kéo

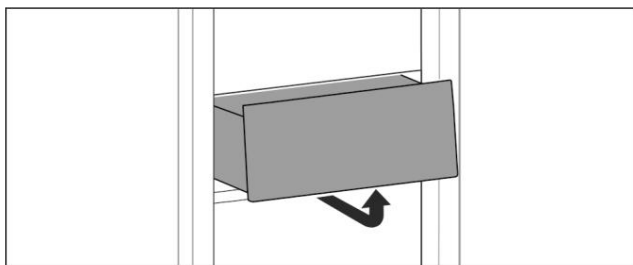


Hình 98

u Đặt ngăn kéo như trong hình minh họa.

8.5.2 Sạc thanh trượt

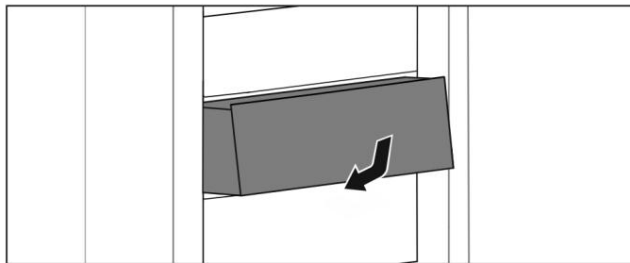
Tháo khay



Hình 99

u Tháo ngăn kéo như trong hình minh họa.

Đặt ngăn kéo



Hình 100

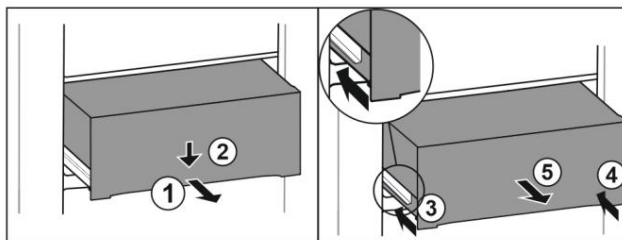
u Lắp ngăn kéo vào như trong hình minh họa.

8.5.3 Ngăn kéo trên thanh ray dạng ống

lồng Ngăn kéo chạy trên thanh ray có thể kéo dài (thanh ray dạng ống lồng). Có loại thanh ray có thể kéo dài hoàn toàn và loại thanh ray có thể kéo dài một phần. Các ngăn kéo có thể mở rộng hoàn toàn có thể được kéo hoàn toàn ra khỏi thiết bị. Các ngăn kéo có thể mở rộng một phần không thể kéo hoàn toàn ra khỏi thiết bị. Hệ thống trong thiết bị của bạn phụ thuộc vào loại thiết bị.

Ngăn làm mát có thể mở rộng một phần

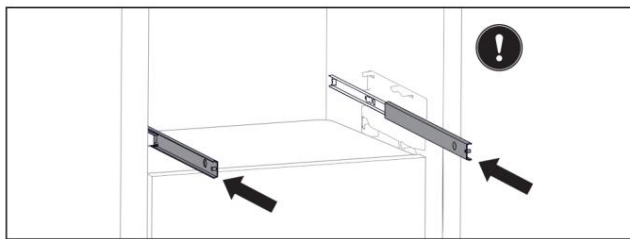
Tháo khay



Hình

101 u Kéo ngăn kéo ra một nửa. Hình

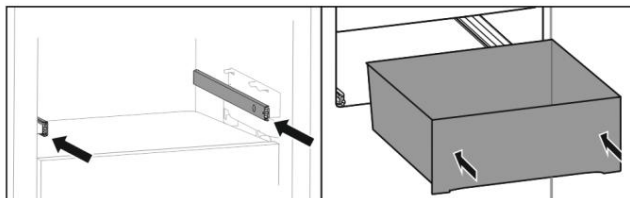
101 (1) u Nhấn ngăn kéo xuống ở phía trước. Hình 101 (2) u Trượt vào thanh ray bên trái khoảng 2 cm. Hình 101 (3) u Trượt vào thanh ray bên phải khoảng 2 cm. Hình 101 (4) u Tháo khay về phía trước. Hình 101 (5)



Hình 102

Nếu thanh ray không được thu vào hoàn toàn sau khi tháo ngăn kéo: u Thu thanh ray vào hoàn toàn.

Đặt ngăn kéo



Hình 103

u Trượt vào thanh ray.

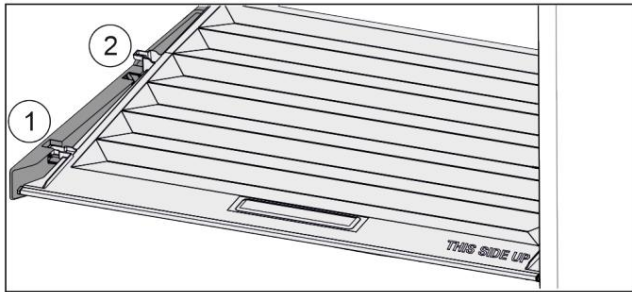
u Đặt ngăn kéo lên thanh

ray. u Trượt ngăn kéo trở lại.

8.6 Nắp EasyFresh-Safe

Có thể tháo nắp ngăn để vệ sinh.

8.6.1 Tháo nắp ngăn

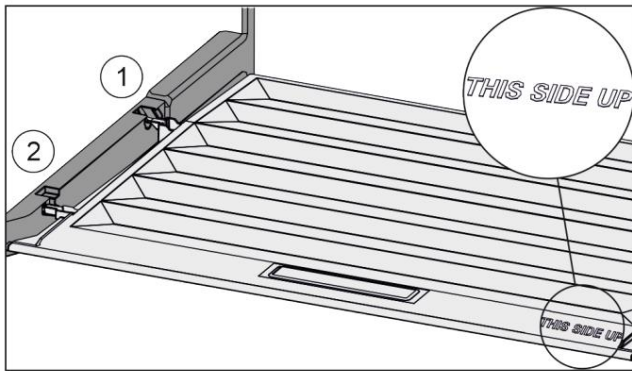


Hình 104

Khi các ngăn kéo được tháo ra:

- u Kéo nắp về phía trước cho đến khi nó chạm tới lỗ mở ở các bộ phận giữ Hình 104 (1). u Nâng lên từ phía dưới ở phía sau và tháo ra khỏi phía trên Hình 104 (2).

8.6.2 Lắp nắp ngăn



Hình 105

Nếu dòng chữ MẶT NÀY HƯỚNG LÊN ở phía trên:

- u Các cạnh nắp xuyên qua lỗ mở của giá đỡ phía sau Hình 105 (1) và lắp vào giá đỡ từ phía trước Hình 105 (2) kều tách. u Di chuyển nắp đến vị trí mong muốn (xem Hình 106).

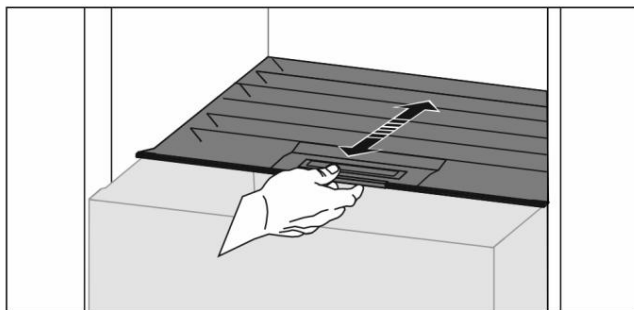
8.7 Kiểm soát độ ẩm

(khác) .

8.7 Kiểm soát độ ẩm Bạn có thể cài

đặt mức độ ẩm trong ngăn kéo thông qua việc điều chỉnh nắp ngăn.

Nắp ngăn nằm trực tiếp trên ngăn kéo và có thể được đẩy bằng các kệ hoặc ngăn kéo bổ sung.



Hình 106

Độ ẩm thấp u Mở ngăn kéo. u Kéo nắp ngăn chứa về phía trước.

w Với ngăn kéo đóng: Khoảng cách giữa nắp và chủ thể.

Độ ẩm trong phòng an toàn bị giảm.

Độ ẩm cao u Mở ngăn kéo. u

Trượt nắp ngăn chứa về phía sau. w Khi ngăn kéo đóng lại: Nắp không đóng chặt ngăn. Độ ẩm ở nơi an toàn tăng lên.

Nếu có quá nhiều độ ẩm trong ngăn:

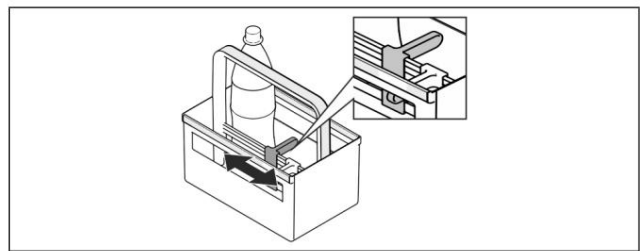
u Chọn cài đặt "độ ẩm quá thấp". -hoặc-

u Lau khô bằng vải.

8.8 Kệ kéo ra có giỏ đựng chai*

Trên kệ kéo ra, giỏ đựng chai có thể tháo rời cung cấp nhiều không gian để cất giữ chai. Khi giỏ đựng chai được tháo ra, sẽ có chỗ để đặt một chiếc thùng vào khay kéo ra.

8.8.1 Sử dụng giỏ đựng chai



Hình 107

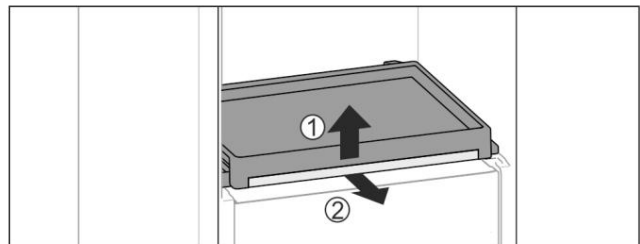
u Trượt giá đỡ bình vào bình. w Chai không bị đổ.

8.8.2 Tháo rời khay trượt ra

Khay trượt được lắp trên tấm kính có thanh trượt.

Khay trượt có thể tháo rời để vệ sinh.

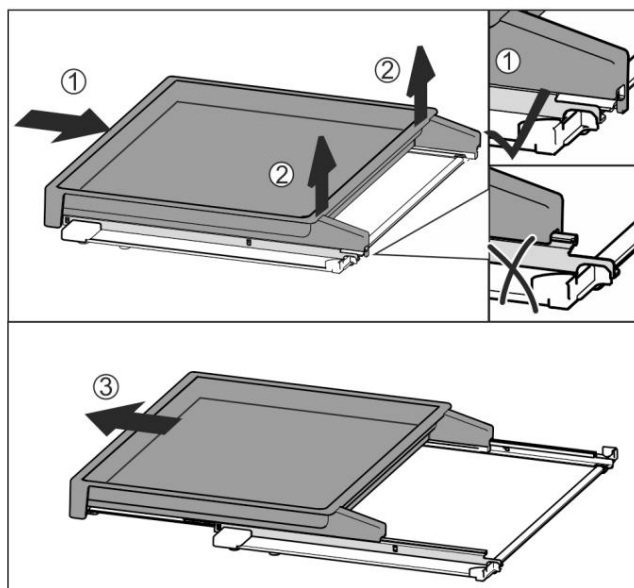
Tháo kệ trượt và tháo giỏ đựng chai.



Hình 108

u Tháo kệ kéo ra cùng với tấm kính: Nâng nhẹ tấm kính lên phía trước Hình 108 (1) và kéo ra khỏi phía trước Hình 108 (2).

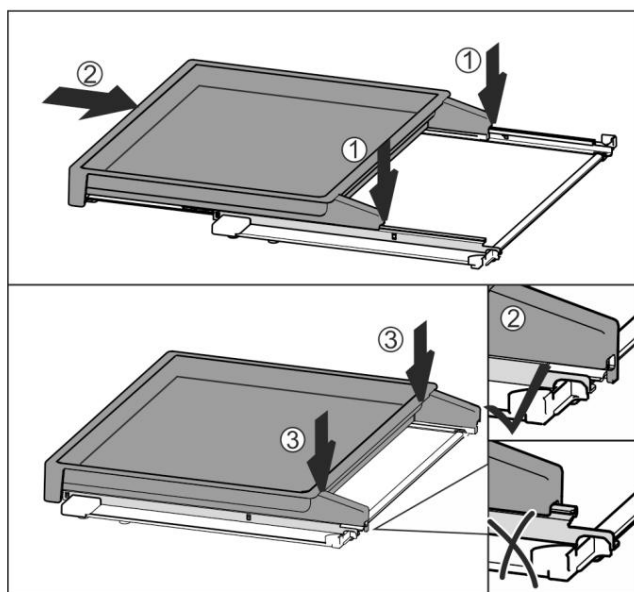
BẢO TRÌ



Hình 109

u Trượt khay trượt ra hoàn toàn trong Hình 109 (1). u Nhấn khóa ở phía sau Hình 109 (2). u Tháo khay trượt ra khỏi mặt trước Hình 109 (3).

Lắp đặt khay trượt



Hình 110

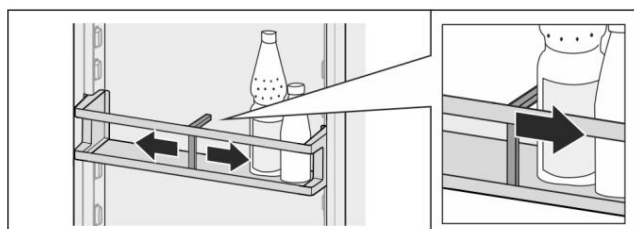
u Đặt bộ vào giữa thanh ray Hình 110 (1). u Trượt khay trượt ra hoàn toàn trong Hình 110 (2). u Nhấn vào mặt sau cho đến khi nghe thấy tiếng kêu tách

Hình 110 (3).

u Để lắp kệ trượt vào tấm kính: Trượt vào phía sau.

8.9 Giá đựng bình

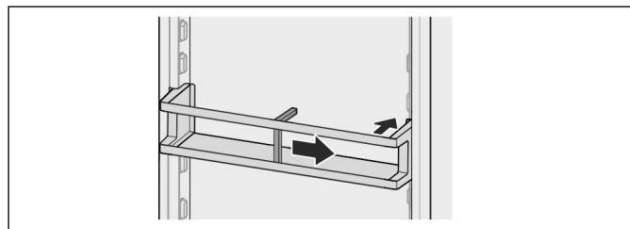
8.9.1 Sử dụng giá đỡ chai



Hình 111

u Trượt giá đỡ chai vào chai. w Chai không bị đổ.

8.9.2 Tháo giá đỡ bình



Hình 112

u Trượt giá đỡ chai hết cỡ về phía bên phải cho đến mép. u Tháo ra từ phía sau.

9 Bảo trì

9.1 Bộ lọc than hoạt tính FreshAir

Bộ lọc than hoạt tính FreshAir nằm ở ngăn kéo phía trên quạt.

Điều này đảm bảo chất lượng không khí tối

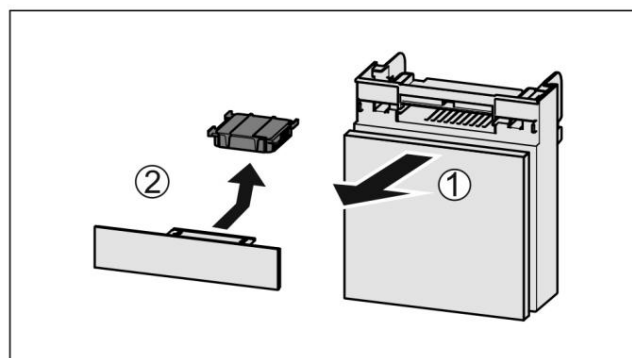
ưu. q Thay bộ lọc than hoạt tính sau mỗi 6 tháng.

Khi lỗi nhắc được kích hoạt, một thông báo trên màn hình sẽ nhắc bạn thay bộ lọc. q Bộ lọc than hoạt tính có thể được thải bỏ chung với rác thải sinh hoạt thông thường. ném.

Lưu ý Bộ lọc

than hoạt tính FreshAir có sẵn tại Cửa hàng đồ gia dụng Liebherr tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

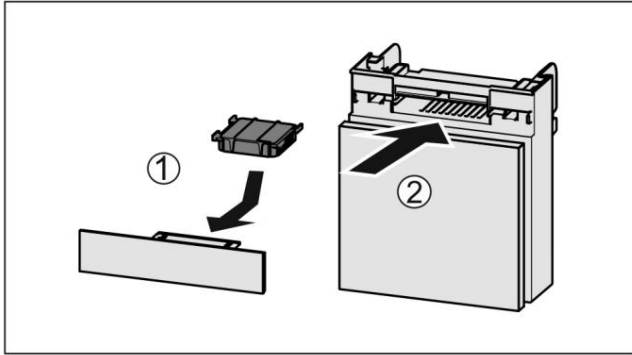
9.1.1 Tháo bộ lọc than hoạt tính FreshAir



Hình 113

u Kéo ngăn kéo ra khỏi mặt trước Hình 113 (1). u Tháo bộ lọc than hoạt tính Hình 113 (2).

9.1.2 Lắp đặt bộ lọc than hoạt tính FreshAir



Hình 114

u Lắp bộ lọc than hoạt tính như hình minh họa

Hình 114 (1). w

Bộ lọc than hoạt tính không khớp vào đúng vị trí.

Nếu bộ lọc than hoạt tính hướng xuống

dưới: u Trượt vào ngăn kéo Hình

114 (2). Bộ lọc than hoạt tính hiện đã sẵn sàng để sử dụng.

9.2 Tháo rời/lắp ráp hệ thống trượt ra

9.2.1 Lưu ý khi tháo rời Bạn có thể tháo rời một số hệ

thống kéo ra để vệ sinh. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống trượt ra.

Các hệ thống trượt ra sau đây có thể tháo rời hoặc không:

Hệ thống trượt ra	Có thể tháo rời / không thể tháo rời
Ngăn kéo trên để thiết bị hoặc tấm kính	không thể tháo rời
Sạc gljrails	không thể tháo rời
Ngăn làm mát có thể mở rộng một phần	không thể tháo rời
Kệ kéo ra có giỏ đựng chai*	Có thể tháo rời (xem 9.2.2 Kệ kéo ra có giỏ đựng chai*) *

9.2.2 Kệ kéo ra có giỏ đựng chai*

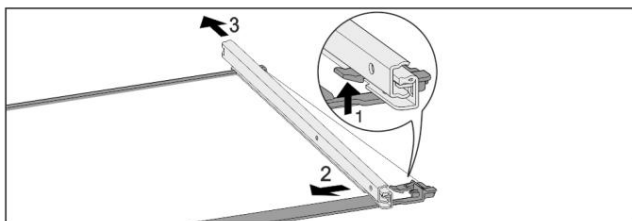
Tháo rời hệ thống trượt ra Đảm bảo đáp

ứng các yêu cầu sau: q Đã tháo giỏ đựng chai. (xem 8.8 Khay trượt ra

có

giỏ đựng chai*) q

Tấm kính đã được tháo ra.

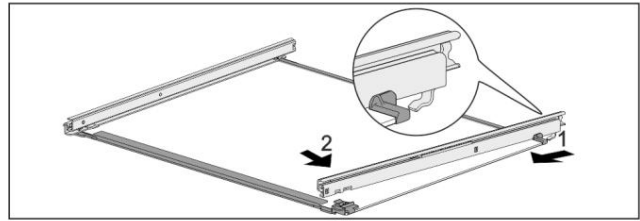


Hình 115 Tấm kính có thanh ray u

Đẩy móc khóa phía trước lên trên. Hình 115 (1) u Thanh ray kéo dài sang

bên Hình 115 (2) và ngược lại Hình 115 (3) trượt ra xa.

Lắp đặt hệ thống trượt ra



Hình 116 Tấm kính có thanh

ray u Móc thanh ray ở phía sau. Hình

116 (1) u Thanh ray để móc. Hình 116 (2)

9.3 Rã đông thiết bị



CẢNH BÁO Thiết bị rã đông

không đúng cách!

Chấn thương và thiệt hại. u Để đẩy nhanh quá

trình rã đông, không sử dụng các biện pháp hỗ trợ cơ học hoặc các phương tiện khác không được nhà sản xuất khuyến nghị.

u Không sử dụng các thiết bị sưởi ấm bằng điện hoặc hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt rã đông để rã đông.

u Không dùng vật sắc nhọn để lấy đá ra.

Quá trình rã đông diễn ra tự động. Nước rã đông được thoát ra ngoài qua lỗ thoát nước và bốc hơi.

Các giọt nước hoặc lớp sương giá hoặc băng mỏng trên mặt sau vẫn hoạt động bình thường. Những thứ này không cần phải loại bỏ.

Do thiết bị được điều khiển tối ưu hóa năng lượng nên một lớp sương giá hoặc băng cũng có thể hình thành trong thời gian đó. u Vệ sinh lỗ thoát nước thường xuyên. (xem 9.4 Thiết bị lau dọn)

9.4 Vệ sinh thiết bị

9.4.1 Chuẩn bị



CẢNH BÁO Có nguy cơ bị

điện giật! u Rút phích cắm tủ lạnh ra

khỏi ổ cắm trên tường hoặc ngắt nguồn điện.



CẢNH BÁO

Nguy cơ cháy nổ

u Không làm hỏng các đường ống của mạch làm lạnh đảo.

u Làm trống thiết bị. u Rút phích cắm điện. -hoặc- bạn kích

hoạt CleaningMode. (xem CleaningMode)

Hỗ trợ khách hàng

9.4.2 Vệ sinh vỏ máy

THẬN

TRỌNG Vệ sinh không đúng cách!

Thiết bị bị hư hỏng. u Chỉ sử dụng khăn

lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính. u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc trà

xước hoặc len thép.

u Không sử dụng vật sắc nhọn, mài mòn, cát, clo hoặc axit chứa chất tẩy rửa.



CẢNH BÁO

Nguy cơ chấn thương và hư hại do hơi nước nóng!

Hơi nước nóng có thể gây bỏng và làm hỏng bề mặt. u Không sử dụng máy làm sạch bằng hơi nước!

u Lau vỏ máy bằng vải mềm, sạch.

Trong trường hợp vết bẩn nặng, hãy sử dụng nước ấm với chất tẩy rửa trung tính. Bề mặt kính cũng có thể được vệ sinh bằng chất tẩy rửa kính.

9.4.3 Vệ sinh bên trong

THẬN

TRỌNG Vệ sinh không đúng cách!

Thiết bị bị hư hỏng. u Chỉ sử dụng khăn

lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính. u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc trà

xước hoặc len thép.

u Không sử dụng vật sắc nhọn, mài mòn, cát, clo hoặc axit chứa chất tẩy rửa.

u Bề mặt nhựa: vệ sinh bằng tay với khăn mềm, sạch, nước ấm và một ít nước rửa chén.

u Bề mặt kim loại: Vệ sinh bằng tay với vải mềm, sạch, nước ấm và một ít nước rửa chén.

u Lỗ thoát nước: loại bỏ cặn bẩn bằng một miếng vải mỏng viện trợ, ví dụ tăm bông.

9.4.4 Thiết bị vệ sinh

THẬN

TRỌNG Vệ sinh không đúng cách!

Thiết bị bị hư hỏng. u Chỉ sử dụng khăn

lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính. u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc trà

xước hoặc len thép.

u Không sử dụng vật sắc nhọn, mài mòn, cát, clo hoặc axit chứa chất tẩy rửa.

Lau sạch bằng vải mềm, sạch, nước ấm và một ít nước rửa chén:

- Bộ điều chỉnh cửa
- Bệ mang
- Bệ mang có thể chia nhỏ*
- VarioSafe*
- Giỏ đựng chai và khay kéo ra*
- Nắp EasyFresh-Safe
- Ngăn kéo

Vệ sinh bằng khăn ẩm: - Thanh ray dạng

ống lồng Xin lưu ý:

Mỡ bôi trơn trong thanh dẫn hướng là để bôi trơn và không được loại bỏ!

Có thể rửa bằng máy rửa chén ở nhiệt độ lên đến 60 °C:

- Bộ điều chỉnh cửa
- Giá đựng bình
- Giữ lại một phần sàn mang có thể chia nhỏ*
- FlexCube

u Tháo dỡ thiết bị: xem chương có liên quan. u Thiết bị sạch sẽ.

9.4.5 Sau khi vệ sinh,

lau khô thiết bị và các bộ phận của thiết bị. u Kết nối và bật thiết bị.

Khi nhiệt độ đủ lạnh: u Đặt thức ăn vào. u Lập lại việc vệ sinh thường xuyên.

10 Hỗ trợ khách hàng

10.1 Dữ liệu kỹ thuật

Phạm vi nhiệt độ	
Làm mát	2 °C đến 9 °C

Tải trọng tối đa của thiết bị			
Thiết bị	Chiều rộng thiết bị 550 mm (xem hướng dẫn lắp đặt, kích thước thiết bị)	Chiều rộng thiết bị 600 mm (xem hướng dẫn lắp đặt, kích thước thiết bị) 20 kg*	Chiều rộng thiết bị 700 mm (xem hướng dẫn lắp đặt, kích thước thiết bị)
Khay mở rộng* 20 kg*			20kg*

10.2 Tiếng ồn kinh doanh

Thiết bị phát ra nhiều tiếng ồn khác nhau trong quá trình hoạt động.

- Ở công suất làm lạnh thấp, thiết bị hoạt động tiết kiệm hơn, nhưng dài hơn. Âm lượng thấp hơn.
- Với khả năng làm lạnh mạnh mẽ, thực phẩm được làm lạnh nhanh hơn. Âm lượng cao hơn.

Ví dụ:

- Các chức năng được kích hoạt (xem 7.2 Chức năng của thiết bị)
- Quạt quay • Thực phẩm mới

đặt • Nhiệt độ môi trường cao • Cửa mở trong thời gian dài

Âm thanh	Nguyên nhân có thể	Loại âm thanh
Nước làm mát sủi bọt và rỉ rò	chảy trong mạch làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Chất làm mát thổi và rít	vào mạch làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Đề ngăn nga	Thiết bị đang làm mát. Mức độ tiếng ồn khi thuộc vào công suất làm mát.	Bình vận hành phụ

Âm thanh	Nguyên nhân có thể	Loại âm thanh	Giải pháp
Tiếng húp xì xụp	Cửa có bộ giảm chấn đóng bình thường, khi mở đóng có tiếng ồn.		
Tiếng vo ve và xào xạc	Bánh xe quay máy thờ.	Tiếng ồn hoạt động bình thường	
Nhấp chuột	Các thành phần được bật và tắt.	Tiếng ồn chuyển mạch bình thường	
kêu lạch cạch phồng	của Van hoặc nắp đang hoạt động.	Tiếng ồn chuyển mạch bình thường	

Âm thanh	Nguyên nhân có thể	Loại âm thanh	Giải pháp
Rung rung	Xây dựng không phù hợp	Âm thanh lỗi	Căn chỉnh thiết bị theo chiều ngang bằng chân có thể điều chỉnh.

Âm thanh	Nguyên nhân có thể	Loại âm thanh	Giải pháp
Vỗ tay	Thiết bị, Đối tượng ở bên trong qua thiết bị	Âm thanh lỗi	Lắp ráp các bộ phận thiết bị. Khoảng cách giữa bỏ lại các đồ vật.

10.3 Lưu trữ kỹ thuật

Thiết bị của bạn đã được thiết kế và sản xuất theo cách đảm bảo an toàn chức năng và tuổi thọ lâu dài. Nếu xảy ra sự cố trong quá trình vận hành, vui lòng kiểm tra xem sự cố đó có phải do lỗi vận hành hay không. Trong trường hợp đó, bạn sẽ phải tự trả các chi phí phát sinh trong thời gian bảo hành.

Bạn có thể tự giải quyết các vấn đề sau.

10.3.1 Chức năng thiết bị

Vấn đề	Gây ra	Giải pháp
Thiết bị không hoạt động.	Thiết bị chưa được bật. u Bật thiết bị.	
	Phích cắm điện không được cắm đúng cách vào ổ cắm.	u Kiểm tra phích cắm điện.
	Cầu chì của phích cắm điện không hoạt động bình thường.	u Kiểm tra cầu chì.
	Mất điện	u Giữ thiết bị đóng lại. u Kiểm tra bus thiết bị làm mát.
Nhiệt độ không đủ lạnh.	Cửa thiết bị không được đóng đúng cách. Đóng thiết bị.	u Đã đóng.
	Thông gió không đủ vải	u Làm sạch và vệ sinh lưới thông gió.
	Nhiệt độ môi trường quá cao.	u Xử lý sự cố: (xem 1.4 Phạm vi áp dụng của thiết bị)
	Thiết bị được mở quá thường xuyên hoặc quá lâu.	u Chờ và xem nhiệt độ mong muốn có tự trở lại không. Nếu điều này không xảy ra, vui lòng liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)
	Nhiệt độ được cài đặt không chính xác.	u Đặt nhiệt độ thấp hơn và kiểm tra sau 24 giờ.
	Thiết bị quá gần nguồn nhiệt (bếp, lò sưởi, v.v.).	u Thay đổi vị trí của thiết bị hoặc nguồn nhiệt.
Gioăng cửa bị lỗi hoặc cần thay thế vì lý do nào đó.	Có thể thay thế gioăng cửa. Có thể lắp gioăng cửa mới mà không cần dụng cụ.	Bạn có thể liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)
Thiết bị bị đóng băng hoặc có hơi nước ngưng tụ.	Gioăng cửa có thể đã trượt ra khỏi rãnh.	u Kiểm tra xem gioăng cửa có vừa khít với rãnh không.
Thiết bị ẩm ở bên ngoài*.	Nhiệt từ mạch làm mát được sử dụng để ngăn ngừa sự ngưng tụ.	Đây là điều bình thường.

Tháo dỡ

10.3.2 Thiết bị

Vấn đề	Gây ra	Giải pháp
Đèn bên trong không hoạt động.	Thiết bị chưa được bật. u Bật thiết bị.	
	Cửa đã mở hơn 15 phút mở.	u Đèn bên trong sẽ tự động tắt sau khoảng 15 phút khi cửa mở.
	khách hàng) Đèn LED bị lỗi hoặc nắp bị hỏng.	Bạn có thể liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ

10.4 Dịch vụ khách hàng

Trước tiên hãy kiểm tra xem bạn có thể tự giải quyết lỗi hay không (xem mục 10 Trợ giúp khách hàng). Nếu không phải như vậy, vui lòng liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng.

Bạn có thể tìm thấy địa chỉ trong tờ rơi kèm theo "Liebherr Service" hoặc tại home.liebherr.com/service.



CẢNH BÁO Sửa chữa

không có chuyên môn!

Chấn thương. u Việc

sửa chữa và can thiệp vào thiết bị và kết nối nguồn điện không được đề cập rõ ràng (xem phần 9 Bảo trì) chỉ được thực hiện bởi Dịch vụ kỹ thuật. u Chỉ có nhà sản xuất, dịch vụ chăm sóc khách hàng hoặc người có trình độ tương đương mới có thể thay thế

kết nối nguồn điện bị hỏng. u Đối với các thiết bị có phích cắm để làm mát thiết bị,

Khách hàng phải tự mình thực hiện việc thay thế.

10.4.1 Liên hệ với Dịch vụ khách hàng Kiểm tra xem thông tin thiết bị sau có sẵn không:

q Tên thiết bị (mẫu và chỉ mục) q Số dịch vụ (Dịch vụ) q Số sê-ri (S-No.) u Gọi thông tin thiết bị qua

màn hình hiển thị. (xem Thông tin thiết bị) -hoặc- u Đọc thông tin thiết bị từ tấm nhãn.

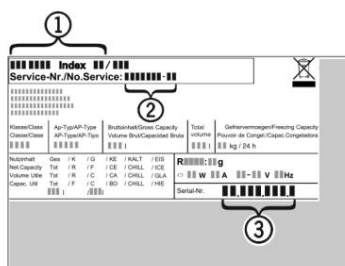
(xem 10.5 Biển chữ) u Ghi

lại thông tin thiết bị. u Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng: Truyền đạt thông tin lỗi và thiết bị.

Điều này cho phép cung cấp dịch vụ nhanh chóng và có mục tiêu rõ ràng. u Thực hiện theo hướng dẫn tiếp theo từ bộ phận chăm sóc khách hàng.

10.5 Biển tên

Tám biển định mức nằm ở mặt sau của ngăn kéo, bên trong thiết bị.



Hình 117

(1) Mô tả thiết bị

(3) Số sê-ri.

(2) Số dịch vụ.

Đọc thông tin từ biển tên.

11 Tháo dỡ

u Làm trống thiết bị. u Tắt thiết bị. (xem phần Bật và tắt thiết bị) u Rút phích cắm điện ra khỏi ổ cắm. u Nếu cần, hãy tháo ổ cắm của thiết bị làm mát: Rút ổ cắm của thiết bị làm mát ra khỏi phích cắm của thiết bị và đồng thời di chuyển sang trái và phải. u Vệ sinh thiết bị. (xem 9.4 Vệ sinh thiết bị) u Để cửa mở để không có mùi hôi bốc lên.

12 Xử lý chất thải

12.1 Chuẩn bị thiết bị để thải bỏ



Li-Ion

Liebherr sử dụng pin trong một số thiết bị. Tại EU, hiện nay, người tiêu dùng có nghĩa vụ pháp lý phải tháo những loại pin này trước khi vứt bỏ thiết bị.

Nếu thiết bị của bạn có pin, thông tin này sẽ được ghi trên thiết bị.

Đèn Nếu bạn có thể tự tháo đèn mà không làm vỡ chúng, hãy tháo chúng ra trước khi cho ăn.

u Ngừng sử dụng thiết bị. u Nếu có thể: tháo đèn ra mà không làm vỡ chúng để làm.

12.2 Xử lý thiết bị theo quy định về môi trường



Thiết bị này chứa các vật liệu có giá trị và phải được xử lý riêng với rác thải sinh hoạt chưa phân loại.



Li-Ion



Li-Ion

Vứt bỏ pin riêng biệt với thiết bị. Pin có thể được trả lại miễn phí tại cửa hàng và các điểm thu gom khác như kho thành phố và xe chở hóa chất.

Đèn

Trả lại đèn đã tháo rời đến điểm thu gom được chỉ định.

Đối với Đức:

Bạn có thể trả lại thiết bị miễn phí cho trung tâm tái chế. Khi mua tủ lạnh hoặc tủ đông mới có diện tích bán hàng > 400 m², đại lý cũng sẽ thu hồi thiết bị cũ miễn phí.



CẢNH BÁO Có chất làm lạnh

và dầu rò rỉ!

Ngọn lửa. Chất làm mát được sử dụng thân thiện với môi trường nhưng dễ cháy. Dầu được sử dụng cũng dễ cháy. Chất làm mát và dầu thoát ra có thể bắt lửa ở nồng độ cao và tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài. u Không làm hỏng đường ống của mạch làm lạnh và máy nén.

u Tuân thủ hướng dẫn vận chuyển thiết bị.
để lấy.

u Vứt bỏ thiết bị mà không làm hỏng nó. u Vứt bỏ pin, đèn và thiết bị như mô tả ở đây-
được mô tả ở trên.



home.liebherr.com/fridge-manuals

NL Tủ lạnh

Ngày phát hành: 20241212

Số bài viết chỉ số: 7083572-00

Liebherr-Hausgeräte Marica E00D

Plovdiv là một thành phố

4202 Radinovo

Bungari